

VŨ BẢNG

MÊ CHỮ



MÊ CHỮ

(Truyện ngắn)

Tác giả: Vũ Bằng

-♦♦♦-

PDF scan: khiconmtv

Text và Ebook: Bộ Cặp

TVE-4U.org

ĐÁNH CƯỚI HAI U HỒN Ở CHÙA DÂU

*T*iết tháng bảy, mưa dầm sùi sụt

Toát hơi may, lạnh suốt sương khô!

Não người thay, buổi chiều thu!

Hoa lau nhuốm bạc, lá ngô rụng vàng.

(Nguyễn Du)

Đến đêm thứ sáu, sư Phổ Giác yên trí mình không thể nào làm được.

Xen vào tiếng gió thổi vi vu ở lưng chừng núi, quả là có một tiếng gì nhỏ bé, tựa như tiếng thở dài của một đứa trẻ con, nổi lên ở đằng sau dãy cửa "bức bàn".

Sư Phổ Giác thoát tiên không đề ý. Nhưng đến đêm thứ tư, quay lại, lúc tiếng thở dài đó nổi lên thì thoáng thấy có một bóng trắng biến vào sau phương trượng.

Cây phướn rủ từ trên mái chùa xuống giữa Phật đài rung khe khẽ... Không còn gì hết... Chỉ có tiếng gió rì rào trong kẽ lá ở ngoài hiên.

Vì thế, đêm nay, sư Phổ Giác quyết định phải xem cho biết cái bóng trắng ấy ít lâu nay cứ hiện lên ở chỗ tu hành để làm gì. Đó là một linh hồn mồ côi? Một hồn oan của kẻ chìm sông lạc suối? Hay là một con ma?

Ngài không phải là người mê tín dị đoan.

Cách đây mười bảy năm, ai từng theo dõi báo chí ở Sài thành hẳn còn nhớ vụ bác sĩ Lê tự nhiên bỏ nhà ra đi mất tích. Họ hàng bác sĩ đổ đi tìm. Ngót hai năm sau mới thấy bác sĩ ở một trái núi cách ngọn Thanh Long, Bạch Hổ ở Bà Đen chừng hai mươi cây số.

Lúc đó, bác sĩ Lê không còn như trước nữa: ông đã trút những bộ Âu phục đắt tiền để đổi lấy bộ cà sa.

Thì ra ông đã đem hết của cải trong nhà để mua dụng cụ cất lầy một căn chùa gọi là chùa Dâu; ông tu lối Tiểu Thừa, tự làm lầy mọi công việc, không quản gian nguy khó nhọc, suốt cả năm trong căn chùa ở chốn thâm sơn cùng cốc đó không có lầy một chú tiểu đỡ đàn ông.

Sư Phổ Giác chính là bác sĩ Lê đã bỏ nơi đô thị để xuất gia đầu Phật. Hồi đó, có nhiều báo đặt giả thuyết ông chán cảnh sống xa hoa, muốn lầy Phật làm lòng để quên lãng "giai không vạn cảnh"; có người cho rằng ông được hưởng phép màu, cảnh giác, nên quy y với tin tưởng muôn nhờ đức Phật từ bi "giải oan cứu khổ, độ về Tây phương", nhưng lại có người bảo ông thất tình với cô Ba Trà nên mượn "giọt nước cành dương để tưới tắt tình duyên tục lụy".

Sự thật không phải thế, ông tu chỉ là vì đã hé thấy tất cả sự cao siêu trong cái đạo nhiệm màu của Đức Phật từ bi.

Cố nhiên một người đậu hai bằng tiến sĩ như ông, lại tinh thông Hán học, không thể hiểu đạo Phật một cách tầm thường, thấp kém. Ông tu là vì nhận thấy có một nỗi buồn mệnh mông trên trái đất; ông tu để tự giác và cũng vì thương xót những người ở chung quanh

mình. Nát bàn ở đâu? Nại hà ở đâu? Thế giới chúng sinh ba ngàn nước mắt ở đâu?

Giả sử một nhà sư khác mà thấp ngọn đèn dầu ngồi tụng kinh ban đêm như thế thì tập trung hết cả tư tưởng để mà tụng niệm, chớ không chịu để cho trí óc loãng ra vì những sự việc diễn ra ở chung quanh, nhưng sư Phổ Giác thì không thế.

Đêm nay, vừa tụng kinh, sư Phổ Giác vừa lắng tai nghe tiếng gió đập ở ngoài hiên để canh chừng xem có cái gì lạ thì quay lại, may ra bắt chợt được chính cái bóng trắng mấy đêm nay vẫn thường hiện lên.

Cả vũ trụ đều im lặng. Từ tàu tiêu ở cạnh cửa xuống vườn, thỉnh thoảng lại ri rả tiếng sương rơi lộp bộp. Gian chùa tối mù mù. Một ngọn đèn dầu nhỏ bé leo lét soi vào quyển kinh và cái mõ. Giọng sư Phổ Giác niệm Phật đều đều, rầu rầu, trong đêm khuya.

Thương thay thập loại chúng sinh,

Hồn đơn phách chiếc linh đình quê người.

Hương lửa đã không nơi nương tựa,

Hồn mồ cô lữ lửa bấy niên!

Quả như sư dự đoán, đến cuối trang thứ hai mươi bảy kinh Tiểu Nhã thì tiếng thở dài ở bên cái cửa bức bàn nổi lên.

Sư Phổ Giác quay lưng lại. Lần này cái bóng trắng không kịp biến đi như những lần trước đây. Sư bình tĩnh đứng lên, tiến về phía cái bóng trắng thì vừa lúc đó một ngọn gió lạnh thổi qua kẽ cửa, làm cho ánh đèn dầu lạch chao đi.

Một con thạch sùng tắc lưỡi trong bóng tối.

Con tìm đèn lụi dầu soi lờ mờ bóng Đức Phật Bà Quan Âm ẵm Thiện Tài đồng tử chiếu xuống cái bực cây ở trước Phật đài.

Sư Phổ Giác không trông rõ cái bóng trắng ấy ra sao vì một phần lớn của bóng chìm vào trong đêm tăm tối đặc quánh, nhưng ngài cảm thấy rằng đó không phải là một đứa trẻ như đã ước đoán trước đây, mà lại là một người con gái nhẹ nhàng như hơi sương, mỏng lung như khói núi.

Nhà tu hành lại gần bóng trắng hơn chút nữa. Vừa khi ấy, người con gái cũng ngẩng mặt lên. Tuy nhiên không trông rõ, sư Phổ Giác cảm thấy người con gái ấy gầy như liễu, hai mắt to tròn và đắm lệ. Ngài bèn hỏi:

- Nếu bần tăng không làm thì mấy đêm nay con vẫn tìm đến am thanh cảnh vắng này. Chẳng hay có việc chi? Nếu có điều gì oan ức, không siêu thoát được, con cứ nói, bần tăng xin tụng kinh phổ độ cho.

Hoa dạ lý hương tiết ra trong đêm khuya vắng lặng một mùi thơm hắc. Xa xa, trên nền trời cao tít, có tiếng chim đêm kêu đều đều.

Nàng con gái cúi đầu xuống cái bực gỗ ở trước Phật đài một giây lâu. Ý chừng là nàng khóc vì hai vai rung động.

Trong chùa, vắng lặng như tờ. Một lát sau, sư Phổ Giác nghe thấy một tiếng nói nhẹ như hơi gió:

- Bạch lay sư, con xét mình có tội nhiều vì đã mạo muội làm kinh động nhà chùa. Nhưng bạch lay sư tha tội cho con vì hoàn cảnh của con khổ quá... con không còn biết trông cậy vào đâu được nữa...

Nói đến đây, người con gái khóc nức lên. Nhà tu hành thấy lòng thất lại. Ngài nói:

- Bần tăng đã biết... Nơi đây xa chốn phồn hoa cát bụi, mà tuổi con là tuổi thanh xuân, con phải lặn ngòi nơi nước đến chốn này, ắt hẳn là có điều gì oan khổ lắm, muốn tìm phương giải thoát. Bần tăng ăn mày cửa Phật, đạo hạnh còn non, đức độ lại không có gì; nhưng nếu có thể giúp cho con được phần nào, bần tăng xin nguyện đem hết tim óc ra giúp đỡ...

Nàng con gái chần chừ một lát rồi mới nói:

- Bạch lay sư nói đúng. Con không còn là một người sống nữa. Con từ trần đã được hai mươi một năm nay rồi, nhưng hai mươi một năm nay linh hồn con không được siêu thoát vì có một nỗi oan khổ không thể tiêu tan đi được.

"Sinh thời con tên là Chi, Mai Chi, ở trên bờ một con sông nhỏ nước xanh ở miền Trung. Cha mẹ con cho con vào học ở miền Nam. Lên đến đại học, có một chàng thanh niên người Bắc thương yêu con. Chàng tên là Thạch. Chúng con yêu thương nhau như non thương nước, như nước thương trăng, như trăng thương gió.

"Được sự chấp thuận của đôi bên cha mẹ, chúng con sắp định lấy nhau và đang bàn tính cái mộng xây nhà bên suối thì chiến tranh tàn khốc lan vào trong Nam. Miền Bắc của Thạch chìm trong điều tàn, tang tóc. Khói lửa bùng lên khắp mọi nơi, tiếng ta oán vang lên đến trời. Nghe theo tiếng gọi từ phương Bắc vọng về, Thạch xếp bút nghiên lại để đi theo tiếng gọi của non sông. "Em ơi, đất nước còn bị chà đạp thì sao mà đành yên vui với hạnh phúc vị kỷ của mình. Anh

đi, nhưng anh sẽ về và anh quyết phải về để cho em xứng đáng là vợ của một thanh niên đã làm tròn bổn phận".

"Bạch lạy sư, con nhờ ơn cha mẹ cũng biết đôi ba chữ thánh hiền nên không những không ngăn cản mà lại còn khuyến khích Thạch lên đường nữa..." Anh đi đi và khi nào diệt hết ngoại xâm thì trở về với em".

"Đêm từ biệt, con đưa Thạch ra đến chân một trái đồi ở Vàm Cỏ, uống một ly rượu với nhau và cùng khóc với nhau một chút. Thạch nói với con: "Đôi đứa mình dù chết cũng không quên nhau, em nhé!".

"Rồi chia tay. Đêm cuối cùng buồn quá. Lưu luyến nhau thế nào rồi cũng có lúc phải phân ly. Con quay về thành nội; còn chàng bước xuống thuyền đi vào bến nước đìu hiu.

"Mùa xuân đi, có trở lại cũng bằng thừa. Mùa hạ đến, rền rền tiếng đổ quyền nhỏ máu, nhưng từ bến nước đìu hiu buổi ấy vẫn không có âm vang gì dội lại của người hôn phu nơi tiền tuyến, mà ở nhà thì lại chết người vị hôn thê chờ đợi tin xa.

"Một buổi chiều, một đoàn phi cơ bay tới vùng con ở, gieo tang tóc, không chừa một mảnh vườn, một căn nhà. Trong lúc trút linh hồn, con cố kêu Thạch nhưng không thấy chàng đâu hết. Từ đó linh hồn con nặng nề, rầu rĩ lang thang khắp đó đây để kiếm chàng, nhưng vẫn chẳng thấy chàng đâu.

"Con đã đi hỏi tất cả những oan hồn ở những nơi bị bom rơi đạn réo lúc bấy giờ thì có người quả quyết đã gặp chàng, nhưng hiện giờ ở đâu, ở Bến Hải hay Cà Mau, ở Bạch Hổ hay Kinh Cầu, tuyệt nhiên không có người nào biết cả.

"Tìm chàng ở cõi dương, ở cõi âm, con đã đi khắp các nẻo đường đất nước, mà vẫn không tài nào thấy, cho nên chỉ còn cách trông vào Trời, Phật thương con mà chỉ bảo cho. Vì vậy, mấy đêm nay con đến đây để trộm nghe kinh và cầu nguyện Phật, Trời thương xót một linh hồn đau khổ... vạch đường chỉ lối cho con tìm được người thương...".

Gió mưa sấm sét ùng ùng,

Dãi thây trăm họ làm công một người.

Khi thất thế, tên rơi đạn lạc,

Bãi sa trường, thịt nát máu rơi.

Mênh mông góc bể bên trời,

Nắm xương vô chủ biết rơi chốn nào?

Khi sấm sấm, mưa gào gió thét,

Khi âm huyền mờ mịt trước sau.

Ngàn cây, nội cỏ rầu rầu,

Nào đâu diều té, nào đâu chường thường?

Sư Phổ Giác trầm ngâm một giây lâu rồi nói:

- Vận nước không may, mọi người đều khổ. Đoàn vô tự lực loài nheo nhóc, quý không đầu đứng khóc nhiều hơn là cát sông Hằng. Hàng triệu gia đình tan tác phân ly chớ không phải riêng con. Thôi thì cũng phải đành chịu vậy, chớ biết làm sao bây giờ?

- Bạch lay sư, con cũng trộm biết như thế. Nhưng riêng con nghĩ thì tình cảnh của con khác hẳn người ta. Lòng con trong trắng, tình

con thiết tha, con không làm gì nên tội... Con cảm thấy nếu con không được gặp Thạch để nói lời thề cũ thì...

Nói đến đây, Chi khóc nức nở và phục xuống dưới chân sư Phổ Giác.

-Bạch lay sư, xin thương xót chúng con, xin ngài lấy đức cả của ngài ra tìm kiếm Thạch cho con, để cho chúng con được nói lời thề cũ. Xin ngài thương lấy một linh hồn cô trích, lang thang...

Sư Phổ Giác cúi đầu, không nói gì.

Mà biết nói gì bây giờ?

Đến khi có tiếng gà gáy, bóng trắng Mai Chi vẫn còn gục trước Phật đài.

Không biết làm thế nào khác được, nhà tu hành bèn bảo:

- Việc con vừa nói là việc của Phật, Trời; điều con mong ước là thuộc về thiên mệnh. Hơn ai, bản tăng biết là cảnh của con thật xót xa, nhưng với tài đức của bản tăng, bản tăng chỉ biết cảm cảnh mà quả tình không biết làm cách gì để cứu giúp được con. "Tuy nhiên, bản tăng cứ xin tụng kinh, cầu Trời khấn Phật thương lấy chúng sinh oan khổ... Biết đâu rồi đây con chẳng gặp người thương như điều con mong muốn?".

"Duy có một điều bản tăng biết chắc là làm một công việc như thế bản tăng đã đi quá phạm vi của mình về đạo - và chắc chắn là đạo nào cũng cấm làm như thế - nhưng nghĩ cho cùng thì đã là kẻ tu hành, mình có phải tội chăng nữa mà cứu được một linh hồn thì cũng vẫn còn hơn là xây mấy đọt phù đồ..."

"Bần tăng xin hứa sẽ giúp cho con trong phạm vi thể lực của bần tăng...".

Một tiếng chim rơi trong đêm dài thăm thẳm. Bóng trắng mờ dần... mờ dần... rồi biến mất theo khói núi...

Lạy trời đất thánh thần! Lạy Đức Phật từ bi cứu khổ cứu nạn!

Đất nước này trong mấy chục năm nay đã trải qua không biết bao nhiêu cuộc biến thiên đứt ruột nát lòng: người chết như rạ, máu tuôn lai láng, cửa nhà tan nát, thân thích lìa tan. Lạy Trời, Phật, Thánh, Thần, lạy Đức Phật từ bi cứu khổ cứu nạn, thương xót chúng sinh thập loại chiếu ánh sáng thiên thần để đem lại hòa khí cho quần chu tứ hải, trút sạch não phiền, rửa không thù oán để cho những người còn sống yêu thương nhau, trút bỏ hết nỗi ghét ghen, uất hận mà những người chết cũng được an vui nơi chín suối, không phải lang thang nay đó mai đây ở đầu khe ngọn suối, ở điểm cỏ bóng cây, ở cuối sông đầu chợ.

Từ đêm hôm đó, sư Phổ Giác suốt đêm tụng kinh gõ mõ; có nhiều khi đến tận sáng bạch ngài vẫn còn quì lạy trước Phật đài cầu nguyện cho linh hồn của một người con gái bơ vơ và xin Trời, Phật linh thiêng run rủi cho u hồn của chàng thanh niên người Bắc tên là Thạch ở đâu thì về để cho Ngài được gặp.

Ngày rằm tháng chạp năm ấy, có việc đi qua Vàm Cỏ, ngài lưu lại đó một đêm và lân la hỏi thăm hết cả mọi người xem trước đây có ai biết Thạch không.

Một bô lão ở trong làng, năm ấy kém hai tuổi đầy một trăm, kể chuyện rằng cụ có một người con trai chơi với một người tên ấy, tuổi ấy, đúng như hình dáng mà nhà sư đã tả. Ông cụ nói:

- Tôi có ba người con trai cùng chết cả trong trận chiến tranh giành độc lập. Người thứ nhì có biết Thạch, nhưng sau này tôi nghe nói anh ta đã bị chết vì bom giữa một chiều rằm tháng bảy ở chính nơi đây, nhưng chưa chết.

"Người ta chở anh ấy về quân y Đồng Tháp: ở đây người ta cắt một chân anh nhưng không khỏi; chiến tranh lan đến đây, người ta chở anh vào chiến khu và anh lại bị cắt một tay; máy bay lại ném bom khu này, rồi không ai biết anh ấy trút linh hồn ở đâu...".

Một người mà chôn ở ba nơi như thế thì biết phụ lên ở đâu bao giờ? Sư Phổ Giác không biết làm thế nào hơn là lập một đàn tràng ở gần Vàm Cỏ, cúi lạy các đấng tối cao che chở, xót thương những người bị bom đạn ở nơi đây và nếu có thể thì run rủi cho u hồn của Thạch về phối hưởng chén nước lạnh, nén nhang thơm.

Khán như vậy, nước mắt nhà sư chảy ròng ròng.

Nước sông ở gần đây réo lên, cảnh trời mù sương tối sầm hẳn lại. Xa xa, có tiếng quạ kêu réo rắt.

Nước khe còm vắt gian nan,

Dãi dầu nghìn dặm, làm than một đời.

Buổi chiến trận, mạng người như rác,

Phận đã đành, đạn lạc tên rơi!

Lập lòe ngọn lửa ma trời

Tiếng oan vắng vắng, trời càng thương.

Hai đêm sau, về đến chùa Dâu, sư Phổ Giác lúc giờ kinh ra tụng, cảm thấy có một cái gì nặng nề, bức bối ở trong không khí.

Đến nửa đêm trời mưa phùn, gió lạnh đập vào cảnh phước, nhà sư khêu ngọn đèn lụn bắc, vừa giờ sang trang kinh khác thì thấy có một bóng trắng phủ phục ở bên cạnh ngài.

Sư Phổ Giác ngừng tay mõ, đứng lên nâng cái bóng trắng dậy thì là một thanh niên. Thanh niên nói:

- Bạch sư, con tên là Thạch. Mới đây, còn đương lang thang đi từ đồn Linh Cảm qua Trường Sơn để về đồn Phố Châu có việc thì con gặp một oan hồn báo cho con biết là hôm rằm tháng chạp ngài có lập một đàn tràng cúng cho những oan hồn cơ khổ ở Vàm cả và trong khi cúng ngài có nhắc đến tên con. Vậy con vội về đây để xem đại đức chỉ bảo điều gì.

Sư Phổ Giác bỗng thấy toàn thân ớn lạnh. Không phải vì sợ cái bóng ma con trai phủ phục bên ngài, nhưng sợ... sợ đạo Phật rất màu, sợ Đức Phật "thần thông quảng đại, chuyển pháp luân tam giới thập phương". Giọng ngài run lên một lát. Ngài muốn ôm lấy bóng ma của Thạch nhưng chỉ ôm lấy rỗng không, mà nhìn kỹ thì cái bóng vẫn phủ phục ở trên bực, bên cái mõ và ngọn đèn dầu hiu hắt.

Ngài bèn nói (và chính ngài cũng nghe thấy giọng nói của ngài run run):

- Phải, bản tăng có ý tìm con. Bản tăng đã cầu Trời khẩn Phật run rủi cho con về nơi đây. Quả là bản tăng không ngờ ý chí của kẻ đức bạc này lại thấu đến cửa trùng mà được gặp con ngày hôm nay.

- Bạch sư, con chết đi lúc hãy còn trẻ lắm, mà sư năm nay thì đã cao niên. Không biết Phật huệ gì đã cho con được cái hân hạnh ngài thương mà nhắc nhở đến tên con như vậy?

- A di đà Phật! Bần tăng thực quả là không biết con lúc sống, mà con mất đi rồi bần tăng cũng chẳng hay. Nhưng... một sự tình cò mới đây...

Sư Phổ Giác chấp hai tay lại, cúi đầu suy nghĩ một giây lâu rồi tiếp:

- Bần tăng tìm con là vì một người... Người đó là một u hồn vất vưởng đi tìm con hai mươi mốt năm nay mà không gặp... Tìm ở ngang bờ dọc bụi, tìm ở quán nọ cầu này, tìm ở đầu chợ cuối sông, tìm ở chân mây ngọn suối, tìm ở gò đông, lau tre... Vậy trong thời gian đó con ở đâu ta?

- Bạch sư, thời gian đó con vất vưởng không có ở nơi nào nhất định: lúc sống đời con đã lang thang thì lúc chết con cũng chỉ là một u hồn vô định, ăn nhờ hóp cháo lá đa "nghe gà gáy, kiếm đường lánh ẩn, lặn mặt trời lặn thần tìm ra".

"Ở Hương Sơn đi về đồn Phố Châu có sông La chảy một dòng về Bến Thủy, nước đục vô cùng. Vì nhiều người đi qua sông về nhiệm độc bị chết, dân vùng đó cho là con sông thiêng lắm bèn lập một cái miếu con lên ở hữu ngạn bờ sông để thờ các cô hồn; con vẫn sống nhờ tại đó và ngày rằm mồng một thường được người ta thí bỏ cho bát cháo, nắm xôi, có khi cả thoi vàng, manh áo".

- Tại sao con không ở nơi nào nhất định, lại cứ kéo dài mãi một cuộc đời lang thang như vậy?

Bóng trắng chàng trai rung động.

Sư Phổ Giác cảm thấy nước mắt của Thạch rơi xuống bụi; nhưng không phải, đó là tiếng mưa rơi trên giàn đậu trên chùa. Thạch nói:

- Bạch sư, con ở yên một chỗ làm sao cho được? Con đi, đi mãi là vì con có một lời thề chưa giải được, bao giờ con cời được oan tình mới thôi.

- Lời thề gì vậy hả con?

- Lúc sống, con có yêu một người con gái...

"Đêm cuối cùng ở trên bến biệt ly chúng con có nguyện chết cũng không quên nhau, lúc sống không lấy được nhau thì về cõi âm cũng phải tìm nhau để mà nối lại lời thề ở cõi dương. Hai mươi một năm nay, con đi tìm người thương ấy... u hồn con lang thang các khe suối ngọn nguồn, hết thị thành thiên hạ đua tươi đến những chỗ ma thiêng nước độc, nhưng con vẫn không thấy bóng dáng người thương. Hai mươi một năm nay rồi...".

Sư Phổ Giác chấp hai tay lại niệm "A di đà Phật", một giây lâu, nói:

- Người ta sinh ra đời khổ từ khi cất tiếng khóc sơ sinh. Thế gian là vô thường. Vũ trụ có bao nhiêu đại dương là bấy nhiêu nước mắt. Nhưng con ơi, chính cái đau, cái khổ ấy nâng cao ý nghĩa kiếp sống con người ta lên.

"Làm thế nào mà trút được hết tục lụy? Nếu chưa hết tục lụy thì đau khổ vẫn còn, duy có một cách làm cho lòng được lâng lâng, trong sáng là đạo lý cao siêu, là tư tưởng. Đời thực rộng, nhưng quanh quẩn lại vẫn gặp nhau, ở hiền gặp lành, ở phúc lại gặp đức, hết bỉ cực rồi phải tới thái lai, không ai lại gởi đầu tay cho tới sáng...".

"Con ơi, bần tăng muốn gặp con có lẽ cũng vì một túc trái, tiền duyên qua một người khác đối với con có lẽ hãy còn nặng nợ...".

- Người ấy là ai vậy, bạch sư?

- Là một người con gái tên Chi. Mai Chi. Mai Chi.

Ở cạnh cửa bức bàn, một tiếng thở dài khe khẽ nổi lên. Sư Phổ Giác quay lại thì thấy cái bóng trắng quen thuộc, gầy như cành liễu, đương gục đầu xuống đất lễ với tất cả niềm thành kính nhất trên đời.

Sư Phổ Giác chỉ vào bóng đó và nhìn Thạch, nước mắt chảy ròng ròng trên má.

Mười loài là những loài nào?

Gái, trai, già, trẻ, đều vào nghe kinh,

Kiếp phù sinh, như hình như ảnh,

Có chữ rằng "Vạn cảnh giai không".

Ai ai lấy Phật làm lòng

Tự nhiên siêu thoát, khỏi trong luân hồi.

Đêm nay, hai mươi tám tết, cảnh chùa Dâu lại êm tịnh, vắng lặng hơn cả bao giờ. Các oan hồn, phảng phất u minh, nghe thấy tiếng mõ trong trời đất tối tăm tụ tập chung quanh chùa để nghe kinh: Có những kẻ trước đây lăm le thay đổi non sông nhưng gặp phải vận cùng thế khuất; có những kẻ màn lan trướng huệ gặp phen thay đổi sơn hà chỉ còn mảnh lá che thân; có những kẻ lâu đài phượng các bây giờ không còn ai bát nước nén nhang; có những kẻ vào sông ra bể, đem thân chôn giấu vào lòng kinh nghệ, có những kẻ mắc đoàn tù rạc, gửi mình vào chiếu xác một manh; có những kẻ chìm sông lạc suối, có những người gieo giếng, thắt dây; có những đứa trẻ lỗi giờ sinh phải lìa mẹ cha từ tấm bé, không có ai bông bế xót xa...

Các thổ thần, thổ địa hình như nhân dịp đôi mùa giao tiễn nhau cũng tìm đến đây để nghe kinh Phật và nhân dịp để tìm những linh hồn quen thuộc hầu nương dựa nhau ba ngày tết sắp tới cho đỡ phần hiu quạnh.

Chiều vừa đổ xuống thì khí núi bốc lên che kín cả ngôi chùa.

Sương thấm lạnh qua mái lá, chân tường, làm cho ngôi chùa huyền ảo như chìm trong một khối pha lê mờ, tượng Phật, nhà sư, chuông mõ đều như là không có.

Nhà tu hành tụng kinh với một giọng trầm trầm, buồn buồn. Tiếng mõ rơi vào đêm tối như ra hiệu cho thời gian ngừng đọng lại.

Hai cái bóng trắng của Thạch và Chi gục xuống lễ trên nền đất. Sang đến canh ba, có tiếng gà rùng, ở trên một đồi xa, gáy te te.

Sư Phổ Giác quay lại bảo hai cái bóng:

- Hai con lại gần đây. Vậy là đến hôm nay bàn tăng đã tụng được bảy pho kinh cho hai con rồi. Hai con lễ tạ đi. Rồi bàn tăng có điều nhắn nhủ.

Thạch và Chi phủ phục trước Phật đài, sát lại với nhau như sợ lạnh, mà cũng như muốn để cho Trời Phật trông thấy họ yêu nhau, nương dựa vào nhau mà thương xót họ hơn. Sư Phổ Giác thỉnh một hồi chuông, đứng dậy xếp lại mấy đĩa hoa trên bàn thờ rồi quay lại phía Chi và Thạch, nói:

- Ở đời, khổ nhất là sinh ly tử biệt. Thảm thương thay cho những người lúc sống mến yêu nhau mà bị chia rẽ, những người đương chung sống với nhau mà bị tình thế làm cho lìa tan, những người nguyện ước được ở bên nhau mà bị sóng gió cuộc đời làm tan rã đi muôn ngả...

"Người ta vẫn bảo đời là bể khổ, mà âm cảnh mới là quê hương yên ổn cuối cùng của con người. Hai con đã chỉ cho bản tăng thấy rằng âm cảnh cũng như dương thế không có nơi nào sung sướng, vui vẻ cả, nếu người ta còn chất chứa những khổ thông trong lòng, nếu còn những ý nguyện chưa thành tựu, những hoa mộng chưa kết nhụy...

"Khổ thay cho những người lúc sống đã bị chia lìa, mà đến khi nương nhờ cõi âm vẫn không được gặp nhau!

"Cảm thông nỗi khổ đó, bản tăng đã liều vi phạm Phật pháp mà làm cái việc bản tăng đã làm, dẫu rằng về sau có bị tội lỗi, bản tăng cũng xin sám cảnh mà chịu vậy. "Chỉ có tình thương yêu ở đời này rửa được hết mọi nợ bản mà thôi".

Sư Phổ Giác ngừng lại một giây, khêu to ngọn đèn dầu và đốt thêm nhang trên bàn thờ Phật. Khói trầm bốc lên nghi ngút, quyện với hương sương và tỏa ra trong bầu không khí một mùi đạo hạnh tôn nghiêm. Sư Phổ Giác tiếp:

- Hai con, năm sắp tàn rồi. Các con không thể ở đây lâu hơn nữa vì dù sao các con cũng nên tìm sự giải thoát trước khi bước sang năm mới. Lại gần đây, hai con.

"Hôm nay, tụng xong bảy pho kinh cho các con rồi, bản tăng cảm thấy đã làm tròn nhiệm vụ. Bây giờ, bản tăng xin khẩn Trời khẩn Phật cho hai con được chung sống với nhau, không còn bao giờ bị lìa tan như nước nữa. Bản tăng xin chúc hai con được an vui, sung sướng".

Hai bóng trắng phủ phục xuống chân sư Phổ Giác Vũ trụ im lặng y như thở hồng hoang. Tiếng nhà sư nhỏ yếu rơi vào bóng đêm đặc

quánh như là từng hạt trong một chuỗi tràng chạm vào nhau.

- Hai con lại đây!

Sư Phổ Giác cầm một bó nhang vái trước ban thờ Phật rồi quay lại giờ cao trên đầu hai cái bóng đang quỳ. Ngài nói:

- Lúc sống hai con không được ở với nhau, thì lúc chết không có lý gì hai con bị chia lìa. Đêm nay, trước Phật đài, bản tăng xin chịu tội với các đấng tối cao, làm lễ cưới cho hai con... Bản tăng xin chịu hết các tội lỗi sau này bởi vì bản tăng không thể sống mà thấy hai linh hồn lưu lạc, chơi vơi, đắm chìm trong nước mắt.

Trong bóng đêm người con gái thở dài. Một lát có tiếng khóc rưng rức của người con trai.

Sư Phổ Giác giờ bó nhang lên làm lễ. Đôi mắt đức tượng Phật Quan Âm bằng Thiện Tài Đồng Tử dường như có một lúc sáng ngời lên. Nhà tu hành chấp hai tay lại lễ, như từ trước tới nay chưa từng lễ như thế bao giờ.

Sư Phổ Giác cảm thấy mình nhẹ như hơi khói. Ngài nói:

- Hai con lễ tất đi.

Bóng người con trai và người con gái sát lại với nhau hơn nữa. Mùi trầm hương mỗi lúc mỗi ngát hơn. Sư Phổ Giác cầm một chùm bông trang, nhúng vào bình nước thải ở dưới bàn thờ vẩy lên đầu Chi và Thạch. Hai bóng trắng đưa mắt nhìn nhau. Nhà tu hành chấp tay trước ngực:

- Bản tăng xin chúc cho hai con yêu thương nhau mãi; quân giặc muốn dùng độc kế hay vũ khí gì cũng không chia lìa được hai con. Ở âm cảnh cũng như dương trần, sự ly biệt chia lìa còn khổ hơn là

cái chết. Đạo Phật chỉ hợp nhau lại, chứ không bao giờ chia nhau ra.

Sư Phổ Giác mỉm cười với Chi và Thạch, nhưng nước mắt ngài chảy ròng ròng xuống má.

Chi và Thạch lại quỳ xuống đất, cảm tạ nhà sư một lần chót rồi dắt nhau đi. Cánh cửa bức bàn đóng kín, nhưng hai cái bóng thanh niên ấy đi qua dễ dàng như thể đi trên một bãi cỏ mênh mông.

Cả hai vẫn còn khóc nức nở.

Nhà sư đứng trước hiên chùa nhìn theo mà tưởng như hãy còn nghe thấy nước mắt họ rơi tí tách.

Không. Đó là sương khuya. Sư Phổ Giác chụm hai bàn tay lại ngửa lên trời hứng lấy và đưa lên miệng. Nước sương khuya uống vào mát như là nước suối Ngọc tuyến.

MƠ VỀ MỘT CUỘC CHƠI TRÂU

Nào ai có ngờ đâu chỉ tậu có một con trâu mà vất vả khó khăn đến thế!

Bố con Khóa Mạc chiều chuộng Lái Quấy thôi thì chẳng còn thiếu một thức gì: cơm, phiên phò, đủ cả. Ấy thế mà cứ đụng vào con trâu nào thì Lái Quấy cũng chê bai bãi. Con này sỗ toẹt được răng nhưng hồng xoáy. Con này được xoáy nhưng kém sừng. Con này được sừng nhưng hồng căng.

Nghe mà cứ tức anh ách! Có một lúc ông Khóa Mạc đã ngờ rằng Lái Quấy làm khó dễ bố con ông, nhưng sau để ý mãi thì mới biết là không phải thế!

Chọn cái thứ trâu để chơi khó lắm chứ có dễ đâu như chọn trâu cày. Thành thử ra bố con Khóa Mạc đành là cứ phải vâng vâng dạ dạ, nhất tề theo đúng lời chỉ dạy của Lái Quấy, không dám trái ý một ly. Bởi vì từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, bố con ông Khóa có biết trâu chơi là gì, chọn trâu chơi ra sao. Mà Lái Quấy thì lại là... "một cây trâu chơi"!

Ngày nào cũng vậy, cứ cơm no rượu say rồi, Lái Quấy lại dẫn cha con Khóa Mạc đi các chợ lớn chọn trâu: Chợ tỉnh, chợ Môi, chợ Tảo, chợ Kép... Một tháng tám phiên chợ mỗi cả chân, khăn cả cổ mà rút cuộc chẳng có con nào ưng ý thì có tức không, hờ trời? Giả sử là trâu cày, thì mua bừa lấy một con cho rảnh chuyện nhưng làng này đâu có được, vì đây là trâu chơi, mà tậu một con trâu chơi đâu có

phải là một chuyện chơi? Danh dự, tương lai và may rủi của cả nhà mình trông cả vào con trâu đó, phải chọn cẩn thận lắm lắm, không có thì hối hận cả một đời người.

Vì thế mỗi khi thấy ông Khóa có vẻ nản chí, bà Khóa lại khuyến khích ông đừng ngại công ngại của, phải cố chọn lấy một con trâu "ra phết". Và cô Vang, chị gái của cậu Sóc, cũng xui em nên cố sức nhờ Lái Quấy tậu giúp một con trâu "ra dáng" để lấy tiếng với dân làng, bởi vì ai có một con trâu chơi thắng cuộc thì được quý nể và trọng vọng gần như một nho sĩ thi đậu vinh quy bái tổ.

Xã Dương Sơn, thuộc tổng Dương Thủy, huyện Mỹ Hoa có tục chơi trâu hàng trăm năm nay rồi.

Theo lệ làng, tất cả những con trai đến tuổi tráng đinh đều bắt buộc phải nuôi trâu chơi trong một năm để năm sau dự cuộc chơi trâu vào ngày mười bốn tháng giêng tức là ngày đại đình đám của hàng xã.

Tục truyền ông Thành Hoàng xã Dương Sơn, sinh thời là một gã mục đồng mười bảy tuổi thường tổ chức những cuộc chơi trâu ở ngoài đồng cỏ để làm trò tiêu khiển cho các bạn chăn trâu. Gã đã bị trâu húc chết trong một cuộc vui nguy hiểm đó và chết vào giờ thiêng nên được làng lập miếu thờ rồi sau được phong Thành Hoàng.

Có người không tin ở tục truyền cho rằng tục chơi trâu do các bậc tiền bối trí giả trong làng bày ra để khuyến khích dân làng chú trọng đến việc nuôi dưỡng săn sóc giống trâu là giống gia súc cần thiết cho nông nghiệp.

Dầu sao những cuộc chơi trâu cũng là những cuộc vui ồn ào, sôi nổi nhất ở Dương Sơn, nhất là vào những năm được mùa thì trò đó thu hút hàng ngàn quan khách ở xa cũng như gần đến xem.

Năm Đinh Ty, tại thôn Dương Trung, con trai ông Khóa Mạc tên là Sóc đến tuổi nuôi trâu chơi. Theo lệ làng, nhà nào có tài lực phải tự xuất tiền ra để tậu trâu chơi, còn nhà nghèo thì có thể vay tiền ở làng xã để mua. Số tiền vay đó sẽ trả lại cho quỹ của xã, bằng tiền mặt hoặc bằng cách cày ruộng công cho làng.

Ông Khóa Mạc là người khá giả trong thôn, cho nên phải tự xuất tiền mua trâu chơi cho cậu Sóc. Bỏ tiền ra mua trâu, không phải là việc quan trọng đối với những nhà trời cho đủ bát ăn, nhưng quan trọng là vấn đề lựa chọn được con trâu chơi. Bởi vì sau một năm công trình nuôi trâu tốn kém, nếu trâu của cậu nào không được "đắc cử" để dự cuộc chơi trâu thì đó là cả một sự nhục nhã đối với dân làng. Chính vì thế trong hơn một tháng trời nay, Khóa Mạc khổ vì trâu chơi như ta đã biết, ông Khóa sốt ruột quá rồi. Ông chỉ sợ lỡ không mua được trâu thì khổ. Vì thế, trong phiên chợ tỉnh hôm hai mươi bảy, ông nằng nặc đòi mua con trâu bốn răng, hai xoáy, sừng tròn, cẳng chúm, lông rất tơ, rất đẹp, rất khôn; nhưng Lái Quấy cứ chê quài quài:

- Không được! Trâu này quý thật nhưng chỉ tốt cày, chứ không chơi được. Trâu chơi cần ở cặp mắt, yếm cổ và bốn vế. Mắt đỏ, cổ lùn, yếm nạc, vó nai: đó là những đặc điểm của "trâu hùng". Loại trâu đó vừa khỏe, vừa dai sức, lại hiếu chiến. Tuy nhiên, đó là thứ trâu dữ, khó nuôi, khó điều khiển...

Lái Quấy giải thích một cách sành sỏi, khiến cho Khóa Mạc và nhất là cậu Sóc hết sức thán phục và vui lòng để cho Lái Quấy toàn

quyền chọn trâu.

Được sự tín nhiệm của cha con ông Khóa Mạc, bác lái quyết đi lòng khắp các địa phương để mua kỳ được một con trâu chiến có nhiều hy vọng lọt được hai vòng tuyển lựa của ban thẩm sát và đoạt giải trong cuộc chọi trâu năm tới.

Riêng về việc tuyển lựa cũng đã hết sức khó khăn. Việc tuyển lựa này gồm hai đợt: Đợt thứ nhất gọi là vòng sơ tuyển, do sự thẩm sát của một ban gồm các bậc cao niên hoặc có chức phận lớn nhất trong làng. Đợt thứ hai, gọi là vòng linh ứng, do sự quyết định của một cuộc gieo âm dương trước bàn thờ Thành Hoàng.

Việc tuyển lựa của ban thẩm sát căn cứ vào những điểm sau đây: trâu chọi phải "traí trắng và trong sạch", như những cậu trai tân, chưa vợ, đến tuổi chọi trâu. Vì những điểm quan hệ này, các cậu nuôi trâu chọi phải hết sức giữ mình cho thanh khiết, không được bắt tình với gái và ăn uống chay tịnh trong suốt thời kỳ nuôi trâu.

Việc "gieo âm dương" trước bàn thờ Thành Hoàng có tính cách "chung thẩm", nhằm mục đích chứng tỏ rằng "đương sự" quả thật là một trai tân, hoàn toàn trong trắng, vì những hành động bất chính, ám muội của đương sự dù có che đậy được trước những con mắt phàm tục của ban tuyển lựa, cũng không thể qua "mắt thần" của Đức Thành Hoàng.

Sau khi làm lễ tạ thần để nhận trách nhiệm nuôi trâu, chuẩn bị tham dự cuộc chọi trâu trong vụ đại đình đám năm sau, hai cha con ông Khóa Mạc bắt đầu lo việc tậu trâu.

Đây là một vấn đề chuyên môn, cần phải có sự giúp đỡ của một người rất sành về trâu, nên ông Khóa Mạc đã soạn một mâm rượu

thết bác Lái Quấy, để nhờ bác này dẫn đi mua trâu chọi. Nhưng một tháng trôi qua, vẫn chưa chọn được trâu thì làm thế nào bây giờ?

Lái Quấy đành hẹn với cha con Khóa Mạc trong mười ngày sẽ đi kiếm được con trâu vừa ý.

Nhận sáu mươi quan tiền đồng để một mình đi tậu trâu, Lái Quấy phải thân hành đi cầu cứu một bạn đồng nghiệp ở hạt Đại Bái, phủ Thiệu Hòa.

Đại Bái là đất đồng sâu, thường có nhiều trâu tốt, cho nên sau năm ngày được bạn đồng nghiệp hướng dẫn đi quan sát những trâu thả án cỏ ở các cánh đồng Đại Bái, Lái Quấy đã tìm thấy một "trâu chiến" đang tơ, có nhiều "điểm hùng". Nhờ sự mối lái của bạn đồng nghiệp, Lái Quấy mua được con trâu này rất lấy làm sung sướng, mặc dù phải trả tới giá năm mươi bảy quan tiền đồng, đắt gần gấp đôi một "trâu cày loại lực điền".

Khi Lái Quấy dắt trâu về đến thôn Dương Trung, mọi người trong thôn đổ ra xem như hội. Những tay sành trâu đều công nhận là một "chiến ngưu" hiếm có. Thực vậy, trên bãi Giang Đình ở đầu thôn, trong mười hai con trâu chọi vừa tậu về của mười hai nhà được vinh dự sắm trâu chọi, như nhà ông Khóa Mạc, trâu của cậu Sóc nổi lên vượt mức.

Cha con Khóa Mạc hết sức cảm ơn Lái Quấy. Và bắt đầu từ hôm ấy lại càng chiều chuộng Lái Quấy hơn, vì cậu Sóc còn phải nhờ Lái Quấy chỉ vẽ cho cách thức nuôi trâu chọi.

Bác lái không từ chối mọi sự nhờ cậy của Khóa Mạc, nhưng có một điều làm cho bác vô cùng thắc mắc: cậu Sóc không đủ tài điều khiển con trâu bắt kham này.

Ngay từ hôm bắt đầu làm chủ con trâu, Sóc đã bị nó giựt thừng, bắt phục, xông ra chạy khắp các cánh đồng trong xã. Sóc không thể nào đuổi kịp để bắt về, phải nhờ năm bảy người khác phụ lực với Quầy dùng mẹo mới tóm được dây thừng cột mũi trâu.

Hôm sau, trâu lại dõ chứng nữa và lần này nó xông đến "độ sừng" với bất cứ trâu nào khác mà nó gặp trong cánh đồng. Hơn nữa, nó quần phá nhiều đám ruộng mạ của dân làng làm cho ông Khóa bị phiền hết sức.

Cha con Khóa Mạc đâm lo vì con trâu quái ác. Chính Lái Quầy cũng hết sức thắc mắc. Họ lo nhất là rồi đây mỗi tháng, bắt đầu từ tháng tám cho đến tháng chạp, sẽ có cuộc "chọi thử" giữa sáu cặp trâu chọi trong thôn, Sóc làm thế nào để điều khiển trâu cho thuần thực? Không chỉ huy nó thì tập dượt làm sao được?

Lái Quầy bàn tính với Khóa Mạc:

- Nếu ông không quản tốn kém, chúng ta mời luôn chủ cũ của con trâu đến ở đây trong ít tháng giúp cho cậu Sóc điều khiển và tập dượt cho trâu vào khuôn vào phép. Ông nghĩ thế nào?

- Đối với việc thần thánh, tôi không hề quản tốn kém. Nhưng chúng ta làm thế nào mời được người ta đến ở đây hàng mấy tháng?

- Nếu ông vui lòng, tôi sẽ cất công đi thỉnh về đây và tôi chắc chắn là thỉnh được.

- Vậy thì còn gì quý hóa bằng. Tôi sẵn sàng nhờ cậu bác tất cả công việc này.

Nhưng dù sao đi nữa đối với một việc có liên quan đến vấn đề nội trợ, ông Khóa cũng phải bàn qua với bà Khóa. Bà chất phác hỏi ông:
- Nuôi thầy dạy trâu có phải hầu hạ như thầy dạy học không?

Lái Quấy cười ngặt nghẽo:

- Nào có phải thầy bà gì đâu! Đây là anh Khoát, con trai ông cựụ Hương ở Đại Bái. Anh Khoát chính là người đã tậu con trâu này ở Nông Cống về từ năm ngoái. Chính anh ta đã nuôi nó và điều khiển nó trong việc cày bừa cũng như trong các cuộc chơi ở vùng Phủ Thiệu. Anh ấy cũng là trai tân như cậu Sóc, có lẽ hơn Sóc đến sáu, bảy tuổi. Nhà ta mỗi anh ấy đến để làm bạn với cậu Sóc trong vài tháng, giúp cậu Sóc tập dượt trâu cho quen nết, chứ đâu phải là chuyên nuôi thầy, nuôi bà gì, mà bà Khóa lo ngại?!

Bà Khóa tỏ vẻ ngại ngùng:

- Tôi thường nghe người ta nói "Trại Đại Bái, gái Kẻ Bôn"...

- Ý bà Khóa sợ trai Đại Bái hung tợn chứ gì? Không đâu, bà đừng sợ, câu "Trại Đại Bái, gái Kẻ Bôn" chỉ tỏ rằng trai Đại Bái khỏe mạnh, can đảm và tài giỏi cũng như gái Kẻ Bôn bạo dạn, đảm đang. Ai thì tôi không biết, chứ anh Khoát tôi cam đoan là rất nết na đứng đắn...

Ông Khóa Mặc, sốt ruột ngắt lời Lái Quấy:

- Nào phải chuyện mỗi lái vợ chồng, mà bảo phải nhiều lời với bà nhà tôi. Thôi trong công việc hệ trọng này, chẳng qua tôi cũng bàn sơ với bà cho phải phép vậy thôi. Bà để mặc chúng tôi lo tính. Tôi nhất định nhờ bác Lái Quấy đi mời anh Khoát về đây chỉ dẫn cho thằng Sóc.

Bà Khóa cười gượng, quay ra sân để phơi nột mấy thúng thóc với cô Vang.

Cô Vang là chị Sóc, hơn Sóc hai tuổi. Cô đẹp vào loại nhất nhì trong xã, mà muện chồng nhất trong đám con gái nhà khá giả trong thôn.

Người ta bảo là cô cao số. Từ năm cô mười ba đến năm ấy là mười chín, ông bà Khóa đã có tới ba chàng rể hụt: Một là cậu Đông con ông Chánh Quỳnh ở thôn Thượng, hai là cậu Bái con bà cửu Lan ở thôn Hạ, và ba là cậu Đạm con ông Đồ Loát ở cùng thôn.

Cậu Đông bị bệnh thương hàn chết hai tháng trước khi cậu định làm lễ cưới với cô Vang. Cậu Bái thì bị bắt đi lính khổ đở sang Pháp đánh giặc "Đức" rồi biệt tích. Còn cậu Đạm thì bị ông bà Khóa từ hôn, trả lễ vì một vụ kiện tụng giữa hai họ thông gia. Sau đó ít lâu cậu Đạm lấy vợ, còn cô Vang vẫn là gái chưa chồng. Và cũng chưa có một người thứ tư nào dạm hỏi.

Dương Sơn là một làng giàu có, chuyên nghiệp nông trang, gồm có ba thôn, thôn nào cũng nhiều ruộng tốt: Dương thượng, Dương trung, Dương hạ.

Trai Dương Sơn nổi tiếng là lực điền và giỏi nghề cày bừa. Gái Dương Sơn nổi tiếng là hát hay, cày giỏi, và xinh, nhất là các cô gái Dương Trung. Mà cô Vang lại là cô đẹp nhất thôn Trung nữa! Trai gái Dương Sơn thường kết duyên với nhau, trai thôn Thượng lấy vợ thôn Trung, gái thôn Hạ lấy chồng thôn Thượng. Các họ trong xã thường thông gia với nhau. Họa hoằn lắm mới có cậu trai Dương Sơn lấy vợ ngoại xã, hoặc một cô gái Dương Sơn lấy chồng ngoại xã.

Đó là một thủ tục đặc biệt của xã Dương Sơn. Tuy thủ tục đó không bắt buộc nhưng nhà nào không theo thủ tục đó thì dân làng mỉa mai chê cười.

Chính ra cậu Khoát cũng không muốn sang thôn Trung chơi làm gì, nhưng vì nể Lái Quấy, cậu phải nhận lời với một điều kiện là chỉ ở chơi nhà ông Khóa Mạc năm bảy ngày để chỉ vẽ cho cậu Sóc chăn nuôi và điều khiển con trâu, chớ không chịu ở lâu.

Hàng ngày, Khoát đưa cậu Sóc và trâu ra bãi Giang Đình để chỉ bảo cho Sóc biết những cách thức, mẹo mực khuất phục một con trâu bất kham; cách nắm mũi trâu như thế nào để trâu đứng yên; cách luồn yếm trâu để bắt dây thừng cột mũi, khi nào trâu sống thừng; cách ho tiếng "họ" vừa ngọt ngào vừa oai nghiêm cho trâu vừa mển vừa sợ và phục tùng; cách đuổi theo và chặn đầu trâu như thế nào cho trâu khỏi lòng chạy...

Đó mới chỉ là phương pháp sơ đẳng để điều khiển một con trâu "khó dạy". Phương pháp này chỉ trong một tuần, Khoát đã dạy cho Sóc thực hành với kết quả hiển nhiên.

Đến nghệ thuật tập dượt một con trâu chơi thì quả là cả một công trình đòi hỏi nhiều thì giờ hơn. Nhưng theo lời đã hứa, Khoát không thể ở lâu tại nhà Khóa Mạc. Vợ chồng ông Khóa yêu cầu chàng ở lại dạy thêm, cậu nằng nặc không; mãi sau cô Vang phải khẩn khoản mãi, chàng mới hứa sẽ trở lại giúp Sóc trong một tháng sau khi thanh toán xong việc nhà.

Từ hôm đó, dân làng, nhất là giới tráng đinh, thường kháo nhau về chuyện Khoát. Cậu trai làng "Đại Bái" được người ta nhắc đến luôn trong những lúc trà dư tửu hậu. Phần đông khen ngợi Khoát

lanh lẹn, khỏe mạnh và dễ thương. Có lẽ những người khen ngợi Khoát hơn cả chính lại là cha con Khóa Mạc. Được thể, Lái Quấy lại càng đề cao đức tính và tài năng của Khoát, nào là anh ta rất thạo nghề làm ruộng, cày cấy khỏe gấp hai những lực điền khác, tính nét khảng khái và "hùng" vào bậc nhất trong đám trai Đại Bái.

Khoát lại còn giỏi võ, giỏi vật và còn ăn cuộc nhiều vụ đấu võ, đánh vật tại suốt vùng Phủ Thiệu. Lái Quấy tỏ ý muốn nhờ Khoát dạy võ cho các tráng đinh Dương Trung, ý kiến đó được cha con Khóa Mạc nhiệt liệt tán thành. Ông Khóa Mạc tuyên bố sẵn lòng để cho Khoát mở lớp dạy võ tại nhà ông. Ý định của ông Khóa và bác Lái Quấy được Sóc khoe với các bạn tráng đinh trong thôn, mọi người đều tỏ vẻ hoan hỉ, đợi chờ Khoát trở lại để dạy võ cho họ. Bởi thế, khi Khoát trở lại Dương Trung lần thứ hai để giữ lời hứa với ông bà Khóa Mạc và cô Vang, anh ta đã có thêm cảm tình trong dân làng, nhất là trong giới tráng đinh. Và lần này, Khoát chỉ vẽ cách tập dượt trâu chọi không những cho Sóc mà còn cho tất cả những cậu trai có trâu dự cuộc chọi năm tới. Tuy nhiên, Khoát vẫn dành những mảnh lời đặc biệt về môn chọi trâu để chỉ vẽ riêng cho Sóc.

Chỉ trong một tháng sự huấn luyện của Khoát cho giới tráng đinh thôn Dương Trung và nhất là cho Sóc đã đem lại nhiều kết quả khả quan. Tiếp đó, các "môn đệ" của Khoát yêu cầu chàng dạy võ. Đáp lại tấm thịnh tình của Lái Quấy cùng toàn gia Khóa Mạc, và cũng nhân dịp muốn lấy tiếng cho trai "Đại Bái", Khoát nhận lời ngay.

Mỗi đêm, bắt đầu từ giờ Dậu, một số đông tráng đinh trong thôn đến nhà ông Khóa Mạc để học nghề võ của Khoát. Cả ông Khóa lẫn bà Khóa đều lấy làm hãnh diện. Còn cô Vang thì tươi hơn hớn, lúc nào mái tóc cũng như đầy sao rụng và mỗi lúc nào cũng nở hoa.

Tuy không có bồn phận phải phục dịch lớp dạy võ, cô cũng vui vẻ chu tất trà nước cho mọi người đến học võ hay đến xem thầy trò anh Khoát luyện võ. Riêng đối với Khoát, cô vừa quý mến vừa khâm phục. Quý mến vì Khoát có nhiều đức tính của một nam nhi, khâm phục vì Khoát giỏi võ và giỏi quá.

Từ ngày Khoát đến ở nhà cô, cô cảm thấy trong nhà tươi sáng hơn, sông động hơn và trong lòng cô dào dạt một niềm vui lạ vui lòng như tâm hồn hoan lạc, từng bừng của đứa trẻ trong ngày đình đám.

Cả nhà yêu quý Khoát, vì ngoài công việc tập luyện cho Sóc, Khoát còn giúp đỡ ông bà Khóa Mạc trong những công việc nặng nhọc như chuyển thóc ra phơi ngoài sân, hoặc chuyển thóc từ sân vào bực mỗi khi thóc phơi bị mưa bắt thần. Đứng trông Khoát chuyển thóc, cô Vang cảm thấy lòng dào dạt thương yêu. Và cô then với lòng. Sực nhớ lại mấy cậu Đông, Bái, Đạm là những cậu trai trước kia đã dạm hỏi cô, nhưng không thành, cô so sánh họ với Khoát rồi cô thấy băng khuâng mơ ước một đám cưới sang sông... mà chú rể là một chàng trai Đại Bái.

Thế rồi có một hôm...

Hôm ấy là phiên chợ tỉnh, hăm hai tháng chạp, ông bà Khóa đi chợ sắm Tết và mua các thức ăn để làm cỗ tiễn ông Công và nhân dịp để thết đãi Khoát, Lái Quấy và giới tráng đinh đồng tuế với Sóc, sắp dự cuộc chọi trâu vào đầu năm.

Sau khi tập dượt lần cuối cùng cho Sóc điều khiển trâu chọi ở bãi Giang Đình, Khoát trở về nhà ông Khóa giữa lúc cô Vang đang đuổi

theo một con lợn sống chuồng. Hai má cô đỏ thắm, áo đầm mồ hôi, mà cô vẫn không đuổi được lợn vào chuồng.

Khoát vội vàng tiếp tay với Vang: chỉ đuổi vài vòng chung quanh mấy luống cải, Khoát đã tóm được một cẳng sau con lợn, xách bổng nó lên, đem thả vào chuồng. Trong khi quá vội vàng, anh bị một cái cọc chuồng heo đâm vào cổ tay, chảy máu. Quên cả e lệ, Vang cầm tay Khoát hỏi:

- Đau không anh? Để tôi đi lấy thuốc lào rịt cho anh.

Rồi nàng chạy vội vào trong nhà tìm ống thuốc lào của ông Khóa, rịt thuốc và buộc vải vào chỗ đau. Ngửng mặt lên, cô vừa gặp lúc Khoát đang nhìn cô đắm đuối. Hai má cô ửng đỏ, đôi hàng mi rung động như những con bướm bướm bé con.

Khoát nói một câu để phá tan bầu không khí ngượng ngùng:

- Tôi không đau đâu, cô Vang ạ! Tập võ còn nhiều khi bị đau hơn nữa...

Vang ngửng nhìn Khoát rồi vội nhìn ra cổng. Vang hỏi:

- Cậu Sóc đi đâu?

- Cậu ấy đi tắm trâu ở ngoài sông.

Hai người lại ngượng ngùng, im lặng. Vang đi lại bể múc nước rửa chân. Khoát nhìn theo, bắn khoảnh giây lát rồi bạo dạn bước lại gần bể nước, bắt chuyện:

- Hôm nay, cô không theo ông bà đi chợ tết?

Vang then thùng trả lời:

- Tôi phải ở nhà, sửa soạn để ngày mai tiễn ông táo và...

- Và tiễn chân tôi về Đại Bái...

Khoát bạo dạn hơn:

- Không hiểu sao, lần này trở về Đại Bái, tôi thấy buồn buồn...

Mắt Vang sáng hẳn lên. Tim nàng đập rộn ràng. Vang muốn nói với Khoát, nhưng không thể nói nên lời.

Một phút qua đi, Khoát hỏi Vang về công việc trong thôn, việc đình đám năm sau và chuyện chơi trâu. Rồi sau cùng, anh thành thật hỏi Vang về vấn đề tình duyên. Vang không giấu một tí gì.

Khoát thú thật với Vang là anh yêu Vang từ lúc nào "cũng không biết nữa", nhưng quả là yêu thật. Anh hy vọng được làm chồng Vang. Cô đỏ mặt, không trả lời, nhưng Khoát cảm thấy tim cô cũng đập một nhịp chung tình.

Ngày hôm sau, Khoát từ biệt ông bà Khóa, bác Lái Quấy, cô Vang, cậu Sóc và các "học trò" của mình trở về Đại Bái.

Lòng chàng băng khuâng như đánh mất một vật gì ở Dương Trung. Rồi sau đó năm hôm, nhân dịp cậu Sóc lên Đại Bái "tết thày", Khoát theo về Dương Trung để đáp lễ ông bà Khóa và viếng thăm Lái Quấy cùng bà con quen biết ở Dương Trung, nhân tiện chào mừng tất niên.

Hôm ấy, cô Vang thừa dịp đi chợ Tào sắm tết đã gặp Khoát tại bến đò Đức giáo. Khoát cho Vang biết rằng cậu đã nói cha mẹ, sẽ nhờ Lái Quấy ngỏ lời với ông bà Khóa dạm hỏi cô.

Cậu cũng vừa đem chuyện này bàn tính với Lái Quấy. Khoát khuyên Vang nên chiều chuộng Sóc để cậu ấy tán thành cuộc hôn nhân.

Vang lặng thính nghe, tay mân mê một bông hoa dâm bụt. Nước sông lững lờ chảy giữa đôi bờ xanh xanh.

Thắm thoát đã đến ngày đại hội chọi trâu. Thôn Dương Trung rộn rịp từ tinh mơ. Hầu hết mọi nhà trong thôn đều chật ních những khách khứa từ các xã lân cận đến xem hội. Khách nhà ông bà Khóa đông hơn hết.

Khoát đã có mặt tại đó từ hôm trước. Cuộc chọi trâu này có tính cách vô cùng quan trọng, vì kết quả có thể định đoạt cuộc tình duyên của cậu và Vang. Bác Lái Quấy có hứa với Khoát rằng sau cuộc chọi trâu, nếu Sóc thắng giải, bác sẽ thừa dịp vui mừng của ông bà Khóa Mặc mà ngỏ lời dạm hỏi Vang. Nếu Sóc thất bại, việc dạm hỏi phải chờ một dịp khác, dịp đó chưa biết đến ngày nào mới có. Bởi thế, Khoát còn sốt ruột hơn cả những cậu trai Dương Sơn được vinh dự tranh giải chọi trâu.

Ngày mười bốn tháng giêng, bãi Giang Đình ở đầu thôn Dương Trung được tổ chức thành một đấu trường chính thức, rộng ước năm sào, thiết lập ở giữa bãi, chung quanh có đóng cọc và cắm tre để phòng ngừa những con trâu hăng tiết lồng chạy ra bên ngoài.

Trước cuộc đấu, các trâu chọi được trình diện trước sân đình trong khi các tráng đinh dự cuộc phải làm lễ tế thần ở trong đình.

Sau đó cuộc gieo âm dương để cầu xin Thành Hoàng chứng giám cho sự trong sạch, chính đính của các tráng đinh và trâu chọi. Rồi đến cuộc rút thăm do ông Tiên Chỉ đích thân điều khiển và kiểm soát, để chỉ định từng cặp trâu chọi, tất cả có mười sáu con, chia ra làm tám cặp chọi sơ kết.

Những trâu nào thắng sơ kết sẽ được bắt thăm lần thứ hai để đấu bán kết, rồi chung kết.

Thường thường, ít có sự bốc thăm chung kết vì tất cả trâu chơi đã chết hoặc què trong vòng sơ đấu hoặc bán đấu. Chỉ những trâu nào không bị què sau các cuộc đấu mới được giật giải thưởng danh dự, còn những trâu dù thắng đối thủ nhưng bị què chỉ nhận được giải thưởng ứ lạo.

Từ xưa đến nay, trong các cuộc đấu trâu ở xã Dương Sơn, chưa hề có con trâu nào giật được giải danh dự, vì chưa có một con trâu nào sau cuộc đấu mà không trở thành phế ngưu. Các phế ngưu đó sẽ bị mổ thịt tế Thần và khao thết quan khách cùng dân làng. Những cuộc chơi trâu ở Dương Sơn sở dĩ hấp dẫn rất đông khán giả, có lẽ một phần cũng vì chung cục đã biến thành một cuộc đánh chén thịt trâu? Không khí vô cùng náo nhiệt.

Một hồi trống và một hồi cồng nổi lên vang động cả cánh đồng. Khán giả hồi hộp chăm chú nhìn từng cặp trâu quần nhau, húc nhau, chém nhau bằng sừng một cách ghê rợn, hoặc đuổi nhau chung quanh bãi chiến. Tiếng cẳng trâu kêu huỳnh huỵch. Bụi cát bay mù mù. Tráng đinh trong làng đứng bao quanh bãi chiến, cầm roi hèo hoặc đòn xóc giữ cho trâu không chạy được ra ngoài bãi chiến.

Có cuộc chơi không đầy năm phút đã kết liễu vì một "địch thủ", bị một "đòn đau", vội vã bỏ cuộc chạy trốn, nhất định không quay đầu lại.

Có cặp trâu ngang sức chơi nhau hăng nửa tiếng đồng hồ mà không hề thấm mệt. Gặp các cuộc đấu hào hứng như thế, những tiếng trống tiếng cồng lại càng nổi lên om sòm để khích thích hai đối

thủ. Mặc dù biết trước rằng trong trường hợp kịch chiến ngang sức như vậy, hai con trâu thể nào cũng bị thương nặng có thể cùng lăn ra chết, hai chủ trâu đều khoái chí và rất lấy làm kiêu hãnh. Trong khi ấy, các khán giả hò hét, reo mừng cổ vũ cho cặp trâu tử chiến, rồi họ lại thét lên những tiếng thương tiếc khi cả hai con trâu lăn ra chết, hoặc khi một trong hai con bị chém đến lòi mắt, gãy sừng, què cẳng.

Năm ấy, con trâu của Sóc đã toàn thắng và chiếm giải thưởng danh dự.

Nó đã đấu hai trận hết sức oanh liệt. Trong cuộc đấu thứ nhất, nó đã thắng đối phương rất mau chóng, còn trong cuộc đấu chung kết, nó đã mất non nửa tiếng đồng hồ mới hạ được địch thủ bằng một "ngón sừng" ác liệt đâm sâu vào mắt bên phải của đối phương, khiến cho đối phương vỡ trán, lòi con ngươi và lăn ra chết.

Tiếng reo hò, ca ngợi vang dậy bãi chiến, trong khi Sóc và Khoát vui mừng chạy ra dắt con trâu chiến thắng đến trước Hội đồng Giám cuộc, để nhận giải thưởng danh dự: một trăm quan tiền và mười thước nhiễu điều.

Hôm sau ông Khóa Mạc lập tức mở cuộc ăn mừng sự thắng cuộc chọi trâu của Sóc, cùng một lúc với cuộc mổ thịt các trâu tử chiến ở sân đình để Hội đồng Giám cuộc làm lễ tế Thành Hoàng.

Vui sướng nhất hôm đó là Khoát và Vang, rồi mới đến cậu Sóc và ông bà Khóa Mạc. Vang và Khoát đều chứa chan hy vọng. Nhờ vinh quang này của gia đình, cuộc tình duyên của hai người chắc chắn sẽ thành...

Ngày hôm sau, đợi cho khách khứa về hết, Khoát mới thúc giục Lái Quầy ngỏ lời với ông bà Khóa Mạc về việc dạm hỏi Vang. Tự nhiên, Khóa Mạc buồn rầu buồn rĩ: ông rất tiếc không thể gả Vang cho Khoát.

Lái Quầy nói hết lời, nhưng ông Khóa tiếc không thể làm khác được, vì đối với ông, thủ tục "traí làng lấy vợ làng" là một điều tối thiêng liêng, ông không thể vi phạm, để làm tổn thương đến danh dự của gia đình họ Mạc. Ông rất yêu quý Khoát và luôn luôn nhớ rằng Khoát đã dự một phần công lao rất lớn trong việc đem lại cho gia đình ông sự vinh quang sau cuộc chọi trâu. Để trả ơn Khoát, ông có thể chiều ý cậu về bất cứ sự việc gì trừ việc gả Vang cho cậu.

Trước sự từ chối quyết liệt nhưng chân thật của ông Khóa, Vang và Khoát đành ôm thất vọng.

Ngay chiều hôm ấy, Khoát từ biệt gia đình ông Khóa để trở về Đại Bái.

Ra đến bến đò Đức giáo, chàng ngồi trên bờ đê, quay nhìn lại phía thôn Dương Trung. Gió buồn lê thê. Mãi sầu chia ly. Chàng không muốn bước xuống đò sang sông, vì cảm thấy sang sông lần này chẳng bao giờ lại có cơ hội gặp Vang lần nữa. Những lời gắn bó với Vang; trong năm, cũng trên bờ đê này, đồng vọng trong tiếng thổn thức của con tim se sắt.

Giữa khi đó, Vang hót hải chạy đến. Cô không nói nên lời, phần vì chạy vội, phần vì quá cảm động vì Khoát chưa sang sông.

Nhưng giây phút sung sướng chỉ thoáng qua, vì sau đó cả hai người lại càng thấm thía nỗi niềm tuyệt vọng mà cuộc gặp gỡ lần

này chỉ là một cuộc vĩnh biệt mà thôi. Khoát nghẹn ngào nói cho Vang; biết rằng chẳng còn bao giờ chàng trở lại Dương Trung nữa.

Vang khóc hết nước mắt.

Tiếng sóng vỗ dưới chân đê, nghe như tiếng hát ru buồn của một người mẹ thương con.

Bèo ơi, nước ơi, nước chảy bèo cứ trôi và mãi mãi người ta ở trên thế giới này vẫn khổ.

Chuyến đò cuối cùng giục giã chia ly. Khoát sang sông, lòng đau như cắt. Vang chảy nước mắt, trở về Dương thôn, hồn nặng thê lương.

... Ba tháng sau, Lái Quấy cho gia đình ông Khóa Mạc biết tin Khoát đã tình nguyện sang Pháp để đánh giặc Đức. Vang được tin, lâm bệnh gần hai tháng. Đến khi khỏi sinh ra ngơ ngẩn. Rồi một hôm kia nàng biệt tích.

Ông bà Khóa và Sóc chia nhau đi tìm Vang khắp mọi nơi, nhưng vẫn chẳng thấy Vang đâu.

Tháng giêng năm sau, có người đem tin Vang tu tại chùa Trương Các ở huyện Hà Trung. Ông bà Khóa đi bộ hai ngày, qua bảy con đê mới đến được chùa và ôm lấy con gái khóc như mưa như gió. Ai cũng tiếc cho nhan sắc của Vang và thương cô cao số.

○○○

Riêng Khoát hình như từ khi đi lính cho Pháp, không hay tin tức gì của Vang.

Hàng năm, cứ đến ngày mười bốn tháng giêng, Khoát lại trông ra hoa tuyết trên trời, tưởng nhớ một ngày hội chơi trâu ở quê hương

và tự nhủ:

"Chắc bây giờ chọi trâu ở Dương Sơn không còn tưng bừng, náo nức như trước nữa!".

ĂN TẾT THỦY TIÊN

Đến lúc đứng tuổi rồi, lòng người có những cái thích nho nhỏ kể cũng hơi ngộ nghĩnh.

Trong những cái thích đó, hồi còn ở Bắc, tôi thích cứ mỗi khi Tết đến thì không về nhà thăm mẹ vào ngày mùng một đầu năm như thường lệ, nhưng vào khoảng đêm ba mươi, sắp giao thừa. Giờ phút đó huyền ảo lắm, thời gian ạ!

Nhà cửa quét tước rồi bàn thờ đã xếp đặt đâu vào đấy, mẹ tôi nhân một lúc rỗi rãi, sai người đun nước pha một ấm trà thật ngát hương.

Ở ngoài kia bước người im ắng, lắng mà nghe có tiếng đôi mùa tiễn nhau trên phố lạnh, cảm cái chén cổ men chàm nhấp giọng, ta tưởng như uống cả một ít hương mới về trong gió kinh thành ngừng đọng trong lòng chén do một người mẹ tự tay pha lấy và chuyên lấy cho con.

Bấy giờ, tôi mới hỏi mẹ tôi:

- Trà gì mà ngát thế, hờ mợ?

Cụ lặng yên một lát rồi mới đáp:

- Trà thủy tiên đấy mà!

- Ô! Thế năm nay mẹ cũng gọt thủy tiên?

- Không, mua đây mà! Còn tâm óc đâu để mà gọt nữa! Vả lại năm nay có tuổi, tay run, có gọt cũng không còn đẹp, chi bằng mua quách một vài củ cho xong.

Giọng nói trầm ngâm, bao hàm một nỗi buồn man mác.

Tôi biết rằng hễ cứ bao giờ nói đến chuyện thủy tiên thì lòng mẹ tôi cũng nao lên một niềm tưởng nhớ xa xôi. Ấy là mẹ tôi nhớ đến thầy tôi vậy.

Bây giờ ngồi nghĩ lại thì quãng thời gian đó xa lắm rồi; nhưng tôi vẫn không thể quên được những ngày gần tết, hồi tôi còn nhỏ không năm nào mẹ tôi không mua ở Hàng Buồm về mấy sọt thủy tiên.

Thầy tôi mê gọt lắm, mất cả ăn cả ngủ vì thủy tiên, sinh ra ốm ra đau vì thủy tiên.

Đã bao nhiêu lần, mẹ tôi dọa sang năm không mua thủy tiên nữa để cho thầy tôi mất gọt; nhưng nói thế thôi, cứ từ đầu tháng chạp trở đi thì cụ đã đi chọn mua thủy tiên rồi. Thứ "Kim Hăng" đứng vào hạng thứ ba, không được ưa chuộng mấy. Chính hạng là thứ ngoài sọt có dán giấy điều rắc hồng hoàng viết hai chữ "Kim Trinh"; nhưng thứ gọi là "Nghị Xuân" khá lắm, cũng "chắc củ" như thể loại "Kim Trinh" vậy.

Sau một thời kỳ khan hiếm vì khói lửa ngăn cách biên thùy, thủy tiên bây giờ lại thấy bày bán ở những đường phố Hoa kiều, nhưng không hiểu một bắp bây giờ bán tới bao nhiêu?

Ngày trước, chỉ năm sáu xu một bắp. Mua cả sọt hai đồng hay hai đồng hai là cùng, rẻ lắm. Nhưng không phải bắp nào cũng dùng được cả đâu. Có khi cả một bắp, lọc không được củ nào; bắp nào

tốt lắm thì được hai ba củ. Chọn đi chọn lại mãi, đất ở trong sọt rơi vãi cứ bừa cả ra trên giường.

Thầy tôi chia những củ đã chọn ra làm ba thứ, để ở ba chỗ khác nhau. Thứ tốt nhất to củ, nắn chắc tay mà giò nào cũng bầm, dùng để gọt đi thi; thứ tốt vừa gọt để cúng thánh và để chơi; còn thứ thứ ba, bé mà thường lại gãy mất giò, để đấy rồi đem trồng vào chậu đất cho lũ trẻ con. Nhưng trẻ con cầm mó máy đến thủy tiên ngâm trong chậu đồng, chậu sứ!

Bởi vì thủy tiên chọn xong rồi thì phải đem ngâm vào nước mấy ngày. Mẹ tôi cho từng thứ vào từng chậu riêng biệt phơi sương cho những màng vàng sẫm bên ngoài bột đi và sạch nhựa, để sau này có gọt thì thủy tiên sẽ nở cả, trắng bong lên, mà rễ lại dài và mượt.

Cứ độ vài tiếng đồng hồ, lại phải giờ mặt thủy tiên lên.

Trời ngày trước, cứ vào đầu tháng chạp đã lạnh buốt đi rồi; nước giá băng; cho bàn tay vào chậu, mười đầu ngón tay như rụng.

Tôi còn nhớ lúc ngâm thủy tiên như thế, thầy tôi một ngày có đến mười, mười hai bận hết lật lại úp từng củ xuống, tay cứ nhột nhột đi. Cái giống thủy tiên mà rửa không sạch nhựa, sau này nó thâm lại, trông mất cả vẻ trong ngọc trắng ngà.

Vì thế, vừa ngâm, thỉnh thoảng lại vừa phải cạo cái nhựa bám ở chung quanh củ thủy tiên đi, hoặc bằng cái chổi lông bé nhỏ chế riêng cho công việc tỉ mỉ này, hoặc bằng ngọn bút sơn để có thể rửa kỹ cả mọi khe giò, ngóc ngách. Ngâm như thế độ hai ba ngày thì gọt. Nhưng mà từ lúc ngâm cho đến lúc gọt, bao nhiêu tâm óc để vào đấy? Bao nhiêu đêm không ngủ. Chỉ vì bản khoán không biết

đơn hay *kép*? Bao nhiêu buổi trà nhặt thích vì không biết gió *may* này có quay ra *nồm* hay không?

Đặt chén rượu xuống mâm, thầy tôi nhìn chậu thủy tiên nói với mẹ tôi mà như thể là đương nói với một hình bóng xa xôi nào vậy.

- Nay, thế mà không biết chừng củ ngâm ở bể sứ cạnh chậu lan *chân cua*, lại là *kép* cũng nên. Tôi nhắc lên thấy nặng mà chắc lắm, cái giống thủy tiên *đơn* nó vẫn nhẹ hơn.

Mẹ tôi ngồi im lặng một giây, rồi đáp:

- Đã đành nhẹ thì là *đơn*, nhưng không phải lần nào cũng đúng. Thôi, hay là thế này: cả ba củ ở trong bể để riêng ra. Ta cứ gọt thật cẩn thận, trúng củ nào thì chọn lấy để đem đi thi vậy.

Từ mấy hôm nay, pho truyện Tam quốc thạch bản mà thầy tôi vẫn thường đọc ban đêm được nằm yên trên giá sách, với những hạt bụi như giấy bột. Từ tỉnh mơ tôi chập chờn nửa thức nửa ngủ đã thấy ngọn đèn dầu tây le lói ở trên án thư rồi. Thì ra người đã dậy từ lúc còn tối trời, pha nước độc ầm rồi cứ ngồi ngâm thơ chờ sáng để mà gọt nốt bắp thủy tiên bỏ dở.

Sân cảnh của thầy tôi, mỗi phút lại đổi màu đi như một bức tranh kỳ ảo. Từ bóng tối đặc sẫm, rồi loãng như mực tàu mài nhặt, sắc trắng của hoa cúc nổi lên trước nhất, rồi đến các hòn non bộ, những câu đối dán tường, với hàng chục chậu lan khác nhau để trên những đôn sứ vừa màu chàm, vừa giang tây.

Đối diện những cây cảnh đó, bên này là cái bàn tam cấp sơn son thếp vàng, trên để rất đều hàng những bát chiết yêu và cốc pha lê trắng hay phơn phớt hoa đào, trong đựng những củ thủy tiên hạng nhì vừa mới gọt vài ba hôm trước.

Hàng ngày cù cả Nam, cù Thuận Ký, ông Hai Chín, ông Tú Thanh và nhiều bạn khác của thầy tôi cứ quanh quẩn ở cái sân nhỏ hẹp nhưng mà tươi vui như cả một mùa xuân, để ngắm nghía, xem xét và bàn luận từng củ một.

- Ờ, ờ, củ này may ra được *mãn khai* đây!

- À, củ này bé, nhưng mà giò lấy được. *Lá kiếm*.

- Cái bẹ tay trái này hồng, nhưng bẹ đằng sau đẹp đây, rõ là *tam cấp*.

Sở thích của các cù như thế đấy: thấy ai chơi thủy tiên thì thể nào cũng cố tìm đến cho kỳ được, nói vài ba câu chuyện tỏ ra mình cũng sành sỏi, rồi uống nước và đắc chí cười xòa với nhau.

Riêng đối với thủy tiên hạng nhì của thầy tôi, chẳng biết các cù vì yêu hay là vì nhă, đều ban cho nhiều lời khen hơn là điều chê. Thầy tôi hẳn có ý thích thú lắm, thì phải, cho nên ngay lúc đó tuy không lộ vẻ gì khác lạ, nhưng đợi cho các cù về hết cả rồi mới nói với mẹ tôi - và cho cả tôi nghe thấy:

- Các cù dễ tính quá... Thế mà đã cho là được! Rồi đến hôm nào các cù thấy những củ của mình dự thi, các cù còn bàn ra thế nào?

Thực vậy, không một lúc nào hai cuộc thi thủy tiên ở đền Bạch Mã và Ngọc Sơn không ám ảnh đầu óc thầy tôi.

Hôm nay là mùng bốn rồi, mà trời xem chừng còn rét lâu đây, phải đem mấy củ chọn sẵn, được cất kỹ dưới gầm giường ra gọt cho kịp, không có thì chậm mất.

Ở trên hiên gạch cao nhìn xuống sân, tôi thấy bóng thầy tôi ngồi cặm cúi, lấy tay bóc khế từng cái vỏ, nhúng củ thủy tiên xuống chậu

nước như một người mẹ nâng niu, tắm táp cho đứa con đầu lòng mới sinh, rồi đưa con dao đánh bằng dây cốt đồng hồ, mũi vệt như ngọn thanh long đao của Quan ngài, cắt, lượn, khía, tĩa, móc, xén... Cái bóng đó hàng giờ hàng giờ không quay lại hay ngẩng đầu lên, làm cho tôi nhớ đến pho tượng "Người tư tưởng" của nhà điêu khắc Rodin.

Chung quanh người, có ba bốn chậu nước để dùng vào một việc, còn dao thì cũng khác nhau: con nhỏ nhất *lấy lá*, con vừa vừa để dùng *móng lấy giò*, còn con to nhất (nhưng cũng không to hơn cái lá lan) thì để *chạm giò* cho lá đừng thẳng đườn ra.

Lúc ấy, tôi hãy còn đi học chữ nho, một ngày một buổi, cho nên rồi rồi.

Hễ thấy thầy tôi ngồi gọt thủy tiên, tôi sà vào xem và cứ thấy cái giò nào gãy thì cố mượn cho kỳ được con dao để ghẹ vào đấy mà gọt thử. Kể ra cũng lạ: tôi mới năm, sáu tuổi đã biết gì, thế mà không hiểu thầy tôi nghĩ ra sao, lắm lúc nói chuyện thủy tiên với tôi y như thể nói chuyện với một người bạn vong niên vậy:

- Gọt cái giống thủy tiên này không thể vội, chỉ lỡ tay một tí là hỏng cả. Ví dụ như giò này, nếu lấy từ trên xuống thì nó chạm vào đây, vì thế phải lấy móng dao nạo từ chỗ này lên rồi mới khẽ gọt một tí sang bên trái. Khó lắm, chớ không phải đùa. Chính thủy tiên là của người Tàu, mà thật ít người Tàu ở đây gọt khéo.

"Ấy là bởi vì lúc lấy giò và lấy lá, họ không cẩn thận nên sau này bẹ đã đen mà lá lại dựng đứng cả lên, bóp cả hoa vào giữa, trông bực bội, mà lại không ưa nhìn. Đem đi thi, thường bị đánh hỏng là thế. Một củ thủy tiên quán quân phải là toàn bích mới được: lá như kiếm, *ôm lấy củ*, mà lại không được chạm; rễ không những phải

trắng bong mà lại cốt dài; cái bẹ trông phải muôn muốt và xếp lên nhau cách nào cho trang nhã, đừng rắc rối".

Trông thấy một củ đề trong chậu sành, to mà lại chắc, vừa gọt xong, tôi hỏi thầy tôi:

- Củ này tốt thế, mà lại nhiều giò, sao cậu không gọt đi thi?

Thầy tôi ngừng tay gọt một giây, nhìn tôi với một con mắt rất lạ, dường như đề cập một vấn đề gì tối ư quan trọng:

- Chết! Gọt đi thi sao được! Một củ thủy tiên đẹp có cần gì nhiều giò đâu? Sáu giò với bảy giò, thường là không có lực; cứ cần năm giò trở lại thôi, miễn là giò nào cũng không *trẽn* và có hoa *hàm tiếu* vào đúng giờ chấm thi.

Chẳng hiểu ban đêm, lúc ngủ, thầy tôi có nằm mơ thấy thủy tiên như ông lão chơi chim nào đó hằng đêm nằm mơ thấy chim không; nhưng cứ trông thần thái thầy tôi lúc nói đến chuyện thủy tiên, tôi có cảm tưởng như người đang sống trong một thế giới hoàn toàn khác lạ.

Cái gì mà trời rét như cắt da cắt thịt, thầy tôi ngâm tay xuống nước bốn năm tiếng đồng hồ, nhột cả da ra, mà vẫn như không biết rét?! Có hôm, trông thấy thầy tôi chăm chút thủy tiên quá mà thương hại, mẹ tôi phải nhóm một lò than đỏ đặt ở đằng sau lưng để sưởi ấm cho người.

Ngại nhất là có khi nửa đêm, sương muối ngoài trời rơi mau làm ướt cả tóc râu, mà thầy tôi vẫn quanh quẩn ở ngoài sân để uốn lại lá cho củ này, sửa lại giò cho củ kia, thay vải che rễ cho củ nọ.

Ấy là bởi vì muốn cho rễ thủy tiên được trắng, người chơi hoa phải lấy một thứ băng trắng muốt che cho rễ khỏi bụi, mỗi ngày thay

một lần và một ngày ít ra cũng phải mười bận nhỏ nước lên cái băng mới đó. Lúc nào đã *bóc màng* những giò hoa rồi, một công việc khác tỉ mỉ hơn lại được người chơi hoa rất mực lưu ý tới.

Thầy tôi đeo kính lên để nhìn cho thật rõ, rồi lấy những que tăm cật uốn từng cái nụ cho khỏi sát với nhau quá; đoạn lấy một ít bông quần vào đầu tăm, nhúng nước nhỏ khe khẽ vào từng nụ một, từng nụ một.

Đứng ở dưới bóng đèn trong nhà mà nhìn ra những bắp thủy tiên đã lên lá xanh ở ngoài sân, ta mừng tượng như những nàng tiên bé nhỏ mới nhô lên được nửa người khỏi mặt nước - nhưng nửa người đó trông đã nỡn nà làm sao!

Trời êm êm mơ hồ; ở phía tường bên kia, người ta nghe rõ một hai tờ lá rụng. Trời như nín thở để chờ người đẹp; người đẹp vẫn dùng dằng, đôi môi xanh như còn ngậm lấy ý xuân xanh.

Đợi thầy tôi mãi mà không thấy vào đi ngủ, mắt tôi gà gà chập chờn, và tôi mơ màng thấy trong một đêm hoa đăng, những củ thủy tiên đó hiện ra thành những nàng con gái bé nhỏ, tóc xanh như mây, da trắng như tuyết, vòng những cánh tay mềm mại lại với nhau nhảy múa và ca hát dưới những bóng đèn lồng diễm ảo.

Trong lúc nửa mê nửa tỉnh như thế, tiếng nói của mẹ tôi từ đâu lại vắng vắng đến tai tôi, nhẹ nhàng như hơi gió - ôi, câu chuyện chỉ nghe thoáng trong giây lát mà sao in vào trí óc tôi mãi mãi không phai?

- Trong các loài hoa trang nhã, và thanh quý nhất là thủy tiên đấy, con ạ.

Kiếp trước thủy tiên là người đầy. Theo sách "Nội quan nhật sơ" ngày xưa, đã lâu lắm rồi, có một người đàn bà họ Diêu rất mực hiền đức làm nhà ở bên cầu Trường Ly. Một năm, vào đầu tuần tháng chạp, mộng thấy ông sao Quan Tinh từ trên trời rơi xuống đất, hóa làm cây thủy tiên. Hoa trắng, đài vàng, trông như ngọc, mà hương thì lại thơm. Bèn hái mấy cánh để ăn. Đến lúc tỉnh dậy, sinh ra một người con gái xinh đẹp tuyệt trần; lớn lên nét na, hiền hậu mà lại thông minh nổi tiếng khắp nơi. Bà họ Diêu đặt tên cho người con gái xinh đẹp đó là Thủy Tiên, ý nhớ là giấc mộng Quan Tinh.*

Nhớ hết đoạn chuyện đó xong, thường là tôi ngủ hửn; nhưng giấc ngủ của trẻ con êm ái, thanh bình, sao mà dột nhiều mộng nhưng lạ, thần tiên thế?

Tôi lại mơ thấy mình đứng ở sân, bên cạnh thầy tôi, cùng ngắm ba củ thủy tiên thi. Thầy tôi định rằng hai bắp đẹp nhất thì để dự kỳ thi ở đền Ngọc Sơn (vốn thầy tôi có chân hội), còn bắp kém một chút thì để đi thi trên đền Bạch Mã ở Hàng Buồm.

Ba củ cùng đẹp cả. Tôi đương nghĩ như thế thì có tiếng động mạnh ở sau lưng. Quay lại thì thấy một đám đông ở đâu đi vào, người nào người nấy đầu râu tóc bạc trông như những ông tiên cá. Đến chỗ giường tôi nằm họ cùng ngồi xếp bằng tràn cả lên giường, vừa nhấm nháp rượu chay, vừa bàn luận từng giò thủy tiên của thầy tôi, xem chừng đắc ý lạ lùng, rồi kết luận:

- Thế là thú đấy, cụ Quảng ạ. Lối chơi này cũng như thú chơi chữ, chơi thơ, vất vả một tý nhưng sướng về tinh thần cụ ạ. Bao giờ mới cho hoa hàm tiếu, bao giò mới cho nở; lá này muốn rủ; giò kia muốn nghiêng, hay là bệ nọ muốn cao hay thấp, thấp nhất do tay người chơi hoa định đoạt. Nó chẳng là phụ nhân mà! Hà, hà!

Tiếng cười của mấy cụ nổi lên cùng một lúc làm tỉnh hẳn giấc mộng của tôi. Hà hà, các cụ cười đắc chí, nhưng có biết đâu rằng *khiến* được một bấp thủy tiên thật xứng ý mình, các cụ đã mất bao nhiêu là tâm cơ. Chơi cái trò thủy tiên thi, khổ nhất là vào khoảng từ rằm tháng chạp. Thực vậy, một người đàn bà nuôi con thấy đổi gió cũng không sợ bằng người gọt thủy tiên, mà lại có thủy tiên để đem thi. Trời mà nồm, phấp phỏng chỉ lo hoa nở sớm, rét thì lại không hàm tiêu kịp ngày, *lạc* *đệ* thì uất lên phải chết.

Vì thế, cứ từ trung tuần tháng chạp trở đi, thầy tôi may lắm mỗi đêm chỉ chớp mắt được vài ba tiếng mà thôi, còn thì cứ thức để mà xem chiều trời. Thấy trời hơi bức một tý là lo, mất cả ăn, y như thể lo cho một đứa con sai đẹn, nào quạt, nào ngâm xuống bể lớn, nào cho xuống gầm sập, chỗ có cái giếng để cho mát, hãm lại, không cho nở. Nhưng mà trời đương nồm mà quay ra gió *may*, nổi thắc mắc của người chơi hoa cũng không kém phần nào. Nhất là còn độ hai ngày nữa mà trời lại rét quá, xét ra không thể nào kịp hàm tiêu vào giờ chấm điểm được thì thật là cả một sự hãi hùng, ưu muộn. Đáng lẽ phải *hãm* lại, bây giờ phải *để* cho nóng, tìm chỗ ấm nóng ở trong nhà, đặt nó vào. Nhưng thế cũng chưa đủ: có khi phải thấp nền ở chung quanh thủy tiên để lấy sức nóng, trông xa như lễ nó, hoặc là quay cót lại giống một ngọn đèn máy vào cho ấm.

Như thế gọi là *thúc*.

Nhưng thúc mà không cẩn thận, nụ có khi úa, vì vậy phải ghé mắt đến luôn luôn, cứ độ mười lăm phút thì lại ra sân rửa nước hay phơi sương, rồi lại đem vào đặt ở cạnh đèn, cứ như thế cho đến lúc nào xét ra là vừa.

Tôi chưa từng đi thi chữ nho bao giờ, nhưng tâm sự của người học trò ngày xưa, mười năm đèn sách đi thi cũng chỉ hồi hộp đến như người có thủy tiên dự thi. Trước một hôm cả thầy tôi và mẹ tôi không ngủ, thức suốt đêm để canh từng cái nụ hoa và dự đoán về thủy tiên của mấy tay cừ khôi lúc bấy giờ là các cụ Mỹ Ký, Cả Nam, Hai Khương và mấy ông khác trên Nghi Tàm. Chẳng biết ai sẽ giật được giải quán quân?

- Mấy hôm nay, Hải Phòng cũng có mấy người lên, trong số này có Bảy Lợi, Phó Dâu và Lý Hựu, không biết có dự thi ở đèn nào không, nhưng quyết rằng các cụ Cả Lan và Hàn Chấn thì không lên đâu, vì nghe đồn ở Nghè Vền có cuộc thi long trọng, mà giải thưởng nghe chừng to lắm.

Thời gian trôi đi một cách nặng nề. Nhưng rồi ngày quyết định cũng đến.

Thầy tôi, trang trọng lạ lùng, tự tay lên gác lấy nước ở trên bàn thờ thánh xuống để rửa ráy một lần chót và thay nước cho ba cốc thủy tiên thi.

Trước kia, thường mẹ tôi vẫn lo công việc này. Nước dùng thì là nước máy, nhưng từ khi lá bắt đầu xanh, nước máy không dùng tới nữa, mà là nước sông mua từng gánh của những người đẩy cái xe hai bánh, trên có một thùng gỗ to mà hồi đó người ta vẫn kéo đi bán rong các phố. Một xu một gánh có khi hai xu một gánh, nhà nào mua thì xe đỗ lại, người bán mở nút cho cái thứ nước hồng màu phù sa đó chảy vào thùng thật tràn đầy.

Mẹ tôi cho đánh phèn vào nước rồi để đấy cho nước thật lắng mới đem ra rửa và đổ vào trong những cốc thủy tiên. Các cụ bảo thế

thì thủy tiên nó mát, tôi rể, mà bẹ lại trắng, chứ cái nước máy Tây họ cho thuốc vàng vào, dùng có hại cho sự phát triển sinh lực của cây mà lại còn làm xám mất cả bẹ là đằng khác.

Xong đâu đấy rồi, thầy tôi chít khăn, mặc áo chỉnh tề đi trước, một người bố già mang thủy tiên đi sau, hai tay nâng lên phía trước mặt y như một người đương lễ.

Mà cũng lạ thật, cầm cốc thủy tiên như thế mà thành ra thủy tiên cũng thấy trang trọng hơn lên nhiều. Người ta thấy rằng đó không còn phải là một thú chơi tầm thường nữa, nhưng là cả một sự thành kính, cả một sự tôn thờ.

Nhất là đến lúc cuối cùng, sắp sửa đến trường thi, thầy tôi lại cắm vào cái giò ở đằng sau một thanh tre cật, vót thật tròn và nhỏ, trên đầu có dán một cái biển con bằng giấy hồng điều viền trắng, cắt thành hình quạt vĩa, đề hai chữ viết chân phương "Quảng Thịnh" . Thì ra không phải chỉ bây giờ người ta có thói bất cứ cái gì cũng đặt tên, như cuộc hành quân "Quả quýt", "Trái ổi" hay là trận bão "Cào cào", "Uếch", "Bàm bàm" đâu!

Từ ngày xưa, trong những cuộc thi thủy tiên, các cụ cũng có cái lối đặt tên hiệu cho từng cốc, cũng như các bậc cha mẹ đặt tên cho từng đứa con, duy khác một điều là những tên của các cụ đặt cho hoa thì có điển tích mà lại đẹp hơn bây giờ một chút.

Thầy tôi đặt cho một cốc cái tên "Quảng Thịnh", một cốc tên là "Đồ Nam", một cốc tên là "Vạn Lý Trình" ra cái ý tôi là chim bằng "Bằng phi vạn lý". Bây giờ, tôi không còn nhớ đến tên thủy tiên của các cụ khác nữa, trừ một cốc của cụ Tham Chấn tên là "Tắc danh", sở dĩ nhớ được như thế, cũng là vì có một cuộc thảo luận sôi nổi về

hai chữ ấy. Cụ lấy làm thích thú về sự bí hiểm của cái tên cụ chọn và đợi cho ai cũng chịu mỗi ung dung cười ha hả:

- Tắc danh là tất có danh. Ấy là do cái điển "Thủy long tắc linh, thủy tiên tắc danh" đó, thưa các cụ!

Thôi khỏi cần phải nói. Ngồi trong một hội đồng chấm thi thủy tiên, bên những lư trầm hương ngát, các cụ chẳng thiếu điều gì thử thách, bàn tán, ngâm ngợi, chỉ trích và tán thưởng.

Bàn thờ sáng ngời như ban ngày. Lư, nến mới đánh xong, bóng cứ lộng lên. Nhang thấp la liệt như sao sa, tỏa khói ra trong khắp đền, làm cho ta nhớ lại cảnh trẩy chùa Hương, vào tinh mơ sáng thì đến chùa Trong, rừng núi u huyền mờ ảo như một cảnh tiên giới về trong tranh thủy mặc Tàu.

Cao hơn hết, những cốc thủy tiên thi trên có lộng che ngự riêng một chỗ tôn nghiêm nhất, chỉ duy kém các vị thần linh một bậc. Tiếng nói, tiếng cười, câu bàn, lời cãi vang lên. Trong ban giám khảo, cụ nào cũng muốn tỏ ra mình mình mẫn, công bằng nhất, xem đi xét lại từng cái lá, từng cái giò, cái mạng, cái bẹ và cái rễ, tranh luận rất là ráo riết.

Mạng chỉ được bóc ra rồi để nguyên đây, như hai làn môi chúm chím cười; ai bóc hẳn ra, bị đánh hồng; được lá, hồng nụ, hồng; được rễ, chạm lá, hồng; cả một bắp mà có một cánh hé nở rồi, cũng hồng luôn.

Muốn trúng cách, phải toàn bích mới được, dù rằng mình gọt kiêu Long, kiêu Phụng, kiêu Lân, kiêu Ly nhưng đúng giò định đoạt, mỗi giò phải có vài cái nụ, mà nụ thì phải là hàm tiếu.

Có ai đã từng xem một cuộc trưng bày thủy tiên hẳn đã thấy các cụ ta ngày trước đạt đến tuyệt đích sự thần thánh hóa loài hoa. Chẳng hiểu ngày xưa Võ Hậu suy tôn giống mẫu đơn tài tình đến bậc nào, chớ thấy các cụ nhà ta trịnh trọng với loài thủy tiên, ta tự nhiên cảm thấy rờn rợn, như hoa là một vị thần linh thiêng thật sự.

Phút quyết định càng kéo dài bao nhiêu thì sự hồi hộp của những người có thủy tiên thì lại càng rợn rã bấy nhiêu. Tim óc trút ra mấy tháng trời đằng đẳng cùng với bao nhiêu công trình thức khuya dậy sớm, mất ngủ quên ăn, đều thu lại trong có một phút này đây. Thày tôi, năm trước đã trúng giải ngoại hạng ở đền Phúc Kiến, năm nay lại càng hồi hộp, lo âu quá. Cứ ngồi đó nửa tiếng đồng hồ, thày tôi lại đứng lên canh bắt thủy tiên, rồi không hiểu nghĩ sao lại ngồi xuống, rồi vụt một cái thuê xe về nhà để nói với mẹ tôi một câu - một câu thôi - rồi lại đi ngay.

- Cụ Từ Đạm, cụ Trần Quỳ, cụ Đào Huống Mai năm nay đều có dự thi nhưng xem chừng ban giám khảo không được vừa ý lắm. Bắt của nhà có cơ...

Cả nhà tôi hy vọng. Hình như mẹ tôi lại lên trên gác thấp đèn, nhang lễ nữa. Lạy Thánh mới bái, ban giám khảo năm ấy cũng minh mẫn và công bằng lắm. Quyết định khác mọi năm một chút là đáng lẽ cho một giải quán quân, hai giải nhất thì lại lấy hai giải nhất thượng hạng, một giải nhất thường, một giải nhì và một giải ba. Thày tôi được giải nhất thường.

Nói cho đúng, không được lựa vào giải nhất thượng hạng, thày tôi có ý không được hả hê như năm trước, nhưng sau khi được mẹ tôi an ủi thày tôi cũng nguôi nguôi. Đến khi tin ấy lan ra ngoài, mọi

người đổ đến mừng thì thầy tôi vui hẳn lên và cũng cho thế là một vinh dự đặc biệt mà nhiều người thèm khát.

Ngay từ bảnh mắt hôm sau, mẹ tôi đã dậy thật sớm, kê án thư, tràng kỷ ra ngoài sân cảnh để tiếp đón các quan khách, phải lo ngay từ bây giờ mới kịp. Thôi thì cả nhà cứ loạn lên, bỏ cả buôn cả bán, hết ông Cả Nam thì lại đến cụ Tú Thanh, có khi ba bốn cụ cùng nói một lúc, nghe cứ riu ra riu rít. Không khí gia đình tôi quả là tấp nập hơn ngày Nguyên Đán nhiều.

Thầy tôi vừa nhìn móng tay út lá lan vừa nói một lời khiêm nhường:

- Không, cứ kể ra thì các cụ hội đồng chấm cũng công minh lắm. Tôi vẫn chịu bấp "Tân Hương" của cụ Trần ngay từ lúc đầu...

Một cụ bảo:

- Thế nhưng cụ bảo củ "Thanh Xuân" của cụ Đào kém chắc? Sao phải liệt xuống thứ hai?

Không ai đồng ý với ai cả. Đến trưa thì có tin sáng sớm hôm sau hai bấp "Tây Thi" và "Vân Hương" được giải nhất ngoại hạng, vào hồi chín giờ sẽ được rước lên kiệu để đem lên cúng Thánh, một ở trên đền Trấn Võ và một ở đền Ngọc Sơn.

Củ "Quảng Thịnh" của thầy tôi được giải nhất thường sẽ được rước về nhà vào sáng hôm mừng sáu Tết.

Vừa có tin đó, một cụ bạn lại đến báo cho một tin mừng khác là củ "Đồ Nam" cũng của thầy tôi ở Bạch Mã được giải thưởng nhì.

Thật, chưa bao giờ đầu năm thiên tử, nhà tôi lại có cái mừng "cập ríp" mê ly đến thế. Thầy tôi cứ như là có rôm ở trong người,

không ngồi đâu đứng đâu yên, hết ra lại vào, hết đi lại đứng, sượng quá phờ cả người ra, trông vừa thú mà cũng vừa ái ngại.

Đến mẹ tôi nữa mới lại càng vất vả. Mắt người sáng ngồi lên, đôi má cũng thắm màu hơn một chút, nhưng mà còn bao nhiêu việc phải làm!

Tôi mở mắt dậy sáng hôm mùng sáu thì nhà tôi mới hân và đẹp quá chừng là đẹp! Từ trên trần rủ xuống, một bức "mi môn" do chính chú "Công Thái" mua từ ở Tàu về, ở hiên có án thư, tràng kỷ. Còn ngay ở cửa vào thì bày một cái bàn treo "quần màn" thêu kim tuyến "sư tử hí cầu" tuyệt đẹp. Trên bàn là một bộ ngũ sự bằng đồng bạch sáng choang, khói trầm tỏa lên nghi ngút làm cho cả gian nhà thơm ngát như là một động tiên. Bây giờ ngồi mà nhớ lại, một vài tình tiết cũng đã phai mờ trong trí óc tôi; nhưng tôi không thể nào quên được lúc nghe thấy tiếng kèn tàu ở đầu đường, thầy tôi ở trong nhà vội vàng mặc cái áo thụng xanh vào, đứng chấp tay ở cạnh bàn thờ nghi ngút khói hương.

Đám rước đến đầu phố, đám rước đến giữa phố. Mọi người đổ cả ra xem, trang trọng hơn là xem một đám rước thần. Đây thầy tôi vẫn đứng nguyên như thế để đợi, dáng điệu trịnh trọng mà vẻ mặt thì nghiêm nghị.

Đây có phải là một sự thành công của một người đem hết tâm hồn ra gọt nên báp thủy tiên trúng cách đâu, mà cũng không phải chỉ là một niềm hân hoan của một người đi thi đã được kể là có văn học cao hơn bạn hữu; đây là một điều cao cả, thiêng liêng hơn nhiều lắm, một ơn huệ của các đấng tối cao linh thần đã dành cho mình và nhà mình, một cái "phúc" mà trời ban cho buổi đầu năm để mọi công việc trong năm sẽ được hanh thông vậy.

Có tiền cũng không mua được giây phút này đâu!

Đám rước thủy tiên đi càng chậm, lòng người càng sôi nổi và sự hân hoan càng gia tăng. Sống đến thế này, thật quả là mãn nguyện quá đi, Trời ạ!

Kìa, đám rước đã đến cửa nhà tôi.

Cả một khu phố tôi ở tự nhiên nổi bật hẳn lên với những màu đỏ tươi lộng lẫy mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Bốn người quán "sà cạp" thổi kèn tàu và bốn người khiêng bàn đọc đều mặc áo đỏ nẹp trắng mới tinh như thể vừa mới bước ở trong một bức tranh màu cổ kính ra.

Hai bên bàn đọc, có hai người cầm hai cái quạt và che bấp thủy tiên trúng giải của thầy tôi đặt ở giữa, một bên bàn thì có vuông nhiều điều, hai bao chè, còn một bên nữa thì có một đôi liễn màu hồng cuộn lại và buộc bằng dây gai đỏ. Một cụ bước vào đưa cho thầy tôi một bức hoa tiên viết chữ, rồi một người khác cúi đầu, trình trọng ra nâng cốc thủy tiên lên, bưng ngang trước mặt, đi chậm chậm vào đặt lên trên bàn thờ.

Bấp thủy tiên mong đợi!

Bấp thủy tiên thần thánh!

Bấp thủy tiên đặt lên bàn rồi, cả nhà tôi và những người kéo đến xem ở cửa bỗng thấy một sự im lặng khả kính vương vấn trong không khí vừa ấm cúng mà cũng vừa lại nghiêm trọng.

Thầy tôi châm hương và đốt trầm rồi chấp tay lạy lễ ở trước bàn thờ; đoạn vái ông cụ dẫn đầu đám rước thủy tiên một vái dài.

Tôi tưởng ngay lúc đó tôi có thể lăn ra đất vì cổ nhện thở mãi, đầu óc cứ quay đi. May, chính giữa khi ấy thì có những tiếng nổ làm cho tôi tỉnh lại và lại càng làm cho lòng tôi phấn khởi hơn: đó là tiếng pháo "công trường cát" mà mẹ tôi vừa bảo người nhà châm lửa đốt, đốt "liên chi hồ điệp" để đánh dấu một ngày vui đẹp, chứa chan hạnh phúc.

Ngay chiều hôm đó một bữa tiệc xếp đặt từ mấy hôm trước được thiết lập ở ngoài vườn. Các ông bạn thầy tôi lại kéo nhau đến ngắm củ thủy tiên trúng giải, vừa uống rượu, vừa làm thơ, đến nửa đêm mới ra về.

Mai đây, và một nữa, những bữa tiệc như thế còn kéo dài, có khi đến rằm tháng giêng chưa hết.

Mỗi cụ đều tặng thầy tôi một bài thơ mừng thủy tiên.

Thầy tôi chép cả những bài thơ đó vào những tờ hoa tiên rắc bạc rồi đưa cho mẹ tôi để lấy "lề" đóng lại thành một tập, giữ làm kỷ niệm.

Thỉnh thoảng cụ Cả Nam lại sang nhà tôi nhắm rượu với lạc rang, cùng thầy tôi ngâm đi ngâm lại những bài thơ đó trong những buổi chiều tà. Rồi cùng sung sướng, hai cụ cùng cười ha hả với nhau, đặt sách lên trên kỹ, nhìn nhau không nói.

Sau mãi, cụ cả Nam mới bảo:

- Thú lắm, thú lắm! Được giải thể này cũng bỏ cái công mình nhin ăn nhin ngủ để mà chăm chút cho hoa...

Thầy tôi hút một điếu thuốc Lào, thở khói xanh một giây lâu mới đáp:

- Nhưng mà tổn thọ, ông ạ. Không phải bây giờ tôi mới nghĩ thế đâu, chớ đàn ông mà chơi cái giống thủy tiên này, giảm thọ đi mất đến mười năm; mà đàn bà (thầy tôi hạ thấp giọng xuống một chút) đàn bà gọt thủy tiên thì thì... mất một lứa đẻ đấy ông cả ạ!

MỘT CUỘC ĐẤU KIỆU... GIẾT NGƯỜI!

Hay cười hay kiệu,

Hay cả cao lâu...

(Tú Xương)

Cho tới bây giờ, những người lớn tuổi ở Thang Mộc Ấp cảm lấy quân bài, lá bạc để vui chơi trong buổi xuân về đều hãy còn nhớ cuộc đấu kiệu hào hùng năm đó.

Một cuộc đấu kiệu lịch sử. Nhưng tiếc làm sao, lúc đầu thì vui như thế mà đến khi kết thúc lại ngang trái một cách đáng buồn - để lại cho "quần kiệu" một ấn tượng như cay, như đắng vì ở trong hàng ngũ vừa có một đứa "khuyển nhỏ"...

Lúc đó là mùa xuân năm Ất Mão.

Bình thường cứ xong lễ khai hạ thì Tết tàn theo với cây nêu; đào, mận phai màu, mà pháo nổ cũng không còn rền tiếng nữa.

Vậy mà không hiểu làm sao, sang đến mùng tám tháng giêng nhà cụ Mền Tuy vẫn còn đèn treo lá kết tưng bừng như vậy.

Trên bụi trúc ở cổng vào, có dán những mảnh giấy hồng điều, mỗi mảnh có một bài thơ tứ tuyệt. Đến cửa, câu đối viết la liệt trên giấy đỏ rắc hồng hoàng. Rồi đến phòng khách thì quả là trang nhã, nên thơ: tử chè, sập chân quỳ bóng loáng. Hai dãy tràng kỷ để hai bên; trước mặt là những cái án thư trên bày những bộ đồ trà cổ và

mỗi án thư lại có mỗi bên một chậu lan, nở hoa đỏ, tím, vàng thơm nhè nhẹ một mùi thơm vương giả.

Thì ra là cụ Mền Quỳ mở Hội Xuân. Bắt đầu từ sáng mồng tám, bao nhiêu danh sĩ Thang Mộc, từ bảy huyện tỉnh Thanh tấp nập kéo đến Bái Thôn để dự "Quần nho Xuân hội".

Đúng giờ Ty, cụ Mền khai hội. Cuộc gặp gỡ hôm nay đây không ngoài mục đích gì khác là kỷ niệm ngày chấm dứt chế độ khoa cử cổ xưa; nhà nước ấn định rằng kỳ hương thi này là kỳ chót, cái chữ nho sang đến năm Thìn "vứt đi, không dùng".

Sau lời khai mạc của chủ nhân và những lời chúc Tết giữa chư vị quần hiền, chủ khách an tọa, phân ngôi thứ theo niên tuế, chớ không theo chức tước hoặc khoa giáp, để đề cao tinh thần nhân văn khoáng đạt. Duyên văn tự không có giới hạn; nghĩa bằng hữu trong giới văn nhân không có giai cấp; đó là đặc điểm của hội xuân quần hiền mà nhóm danh sĩ đất "Long Mã giao đầu" muốn nêu cao làm lý tưởng.

Vị đại khoa đồng tịch với ông đầu xứ, ông đường quan ngồi chung quanh mâm với hàn sĩ bạch đình.

Hầu hết quan khách không lưu ý tới sự phân biệt sang hèn giữa các văn hữu duy chỉ có ông Huấn Tộ có vẻ hơi bất mãn. Ông Huấn Tộ là một vị cử nhân, đăng khoa rất sớm (hồi ông mới mười bảy tuổi) đã bước rất mau trên hoạn lộ và hiện làm tới huân đạo, mặc dầu năm ấy ông mới ngoài hai mươi năm tuổi. Chẳng ra gì thì ông cũng là một chức quan cao, vậy mà phải ngồi ở chiếu cuối cùng...

Tất cả những thú xuân tao nhã của giới văn nhân đều được tổ chức trong hội xuân quần hiền hi hữu này. Quan khách tự do tham

dự những thú vui theo sở thích của mình.

Ngoài thư phòng và huê viên, chủ nhân đã chu tất dành cả năm gian nhà học để tổ chức tất cả các thú vui như xướng họa, thơ, hát ả đầu, đấu cờ, đấu kiệu...

Tại huê viên, các vị cao niên nhắm rượu thưởng hoa. Nơi thư phòng, các nhà khoa bảng hoặc đàm đạo văn chương thi phú, hoặc thảo luận về khoa cử, nhất là khóa hương thi cuối cùng sắp mở vào mùa đông Ất Mão.

Trong khi đó, tại một gian nhà học, các danh sĩ hào hoa say sưa với cung đàn nhịp phách và giọng hát mê ly của mấy ả đào trứ danh đất Kẻ Bồn. Trong một gian khác của nhà học, năm bảy kỳ tướng đấu cờ một cách say mê. Và trong ba gian khác, đa số văn nhân thi tài đấu kiệu trên năm bảy chiếu.

"Đấu kiệu" là một thú giải trí làm cho các đấu thủ say mê có khi hơn cả cờ; trò đấu kiệu đã thu hút nhiều văn nhân, nhất là giới trẻ trung mà trí sáng suốt còn vẹn toàn và tánh hiếu thắng còn mãnh liệt. Trò đánh kiệu đòi hỏi ở đấu thủ một trí nhớ đặc biệt, một khiếu nhận xét và tính toán tinh tường. Sự thắng bại trong cuộc đấu kiệu kích thích sự tức khí của đấu thủ mãnh liệt hơn là trong cuộc đấu cờ.

Sở dĩ như vậy là vì sự thắng bại trong một cuộc đấu kiệu không hoàn toàn quyết định bởi yếu tố cao thấp, như trong một cuộc đấu cờ. Đã đành rằng đấu thủ nào "cao kiệu" mới nắm phần thắng, nhưng đấu thủ dù cao kiệu đến độ nào cũng không thể hoàn toàn làm chủ được tình thế của một ván kiệu.

Ngoài yếu tố về nghệ thuật cao thấp của đấu thủ, sự thắng bại trong cuộc kiệu còn tùy theo phần nào ở sự sắp đặt ngẫu nhiên của "phần bài bốc". Bởi vì trong lối đấu kiệu nào cũng vậy, ngoài những phần bài chia cho các đấu thủ, còn một phần bài dùng để "bốc nọc", tôm, chắn cạ. Đấu thủ kiệu chỉ làm chủ được phần bài riêng của mình, chứ không thể tiên đoán nổi sự sắp đặt của phần bài bốc nọc.

Tuy nhiên, sự quyết định của phần bài bốc nọc chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong cuộc thắng bại. Thật ra, đấu thủ cao kiệu vẫn nắm nhiều phần thắng một cuộc kiệu. Đó là một điểm khác nhau giữa thú đấu kiệu và thú tổ tôm. Trong một cuộc tổ tôm, sự thắng bại thường định đoạt phân nửa do nghệ thuật cao hay thấp, phân nửa do vận đỏ hay đen.

Giữa hai kỳ thủ cao thấp rõ rệt thì người cao cờ chắc chắn phải thắng. Trái lại, trong một cuộc đấu kiệu, dù cao hơn đối thủ, dù chắc ăn đến chín phần mười, thì cũng vẫn còn một phần mười thua, do vận đỏ đen an bài nơi phần bài bốc nọc nó "vô duyên" với mình. Chính vì kẻ chơi kiệu bại nơi một phần mười đó, mà đấu thủ vận đen trong một cuộc kiệu mới tức khí hơn là thua cò, chẳng khác gì sự tức khí của một kẻ "học tài thi phận", tài đáng khôi nguyên nhưng chỉ hồng thi vì một lỗi lầm nho nhỏ trong khuôn khổ trường qui.

Văn tài lỗi lạc mà hồng thi vì phạm trường qui thật là cay như ăn ớt. Nhưng cao kiệu mà bại vì một phần mười đỏ đen thì cay gấp ngàn lần ăn ớt.

Chơi kiệu cũng chơi bằng loại bài tổ tôm. Trong lối đấu kiệu nào cũng vậy, những quân bài chia ra làm hai loại: loại bài phu và loại bài rác.

Bài phu gồm những quân bài thuộc vào phu; thí dụ "phu văn" chỉ gồm những quân bài nhất văn đến cửu văn; phu lèo chỉ gồm những quân bài cửu vạn, bát sách, chi chi v.v... Mỗi phu bài phải gồm ít nhất đủ ba thứ quân bài đã ấn định cho mỗi phu: nếu phu lèo thiếu một quân bát sách thì hai quân cửu vạn, chi chi cũng bị loại. Tất cả những quân bài không thuộc các phu kiệu đều là bài rác. Đấu thủ vào cuộc cần phải tranh thủ lấy nhiều quân vào phu.

Trong cuộc đấu thất kiệu, đấu thủ phải tranh đấu thu về những quân bài thuộc cả bảy loại phu kiệu.

Trong cuộc đấu ngũ kiệu, đấu thủ phải giành lấy thu vào những quân bài thuộc năm loại phu kiệu: phu văn, phu lèo, phu tôm, phu sườn và phu thang.

Đấu tứ kiệu, chỉ cần thu về những quân bài thuộc bốn loại phu kiệu: phu văn, phu lèo, phu tôm, phu sườn.

Đánh thất kiệu mà thu đoạt được đủ bảy phu kiệu, tức là trúng kiệu. Đấu ngũ kiệu thì phải thu đoạt được đủ năm phu kiệu mới là trúng kiệu. Và đấu tứ kiệu, phải thu vào đủ bốn phu kiệu mới là trúng kiệu.

Trúng kiệu là toàn thắng.

Những chiếu kiệu ở Hội Xuân Quan Hiền, mỗi lúc mỗi thu hút thêm đấu thủ và khán giả, trong khi các thú khác kém vui dần dần.

Nhận thấy đa số văn nhân thích thú đấu kiệu, cụ Mền Quỳ bèn tuyên bố mở một đại thi nghệ thuật đấu kiệu, để các danh nhân tranh tài đoạt chức "Long Mã Kiệu Kiệt" và đồng thời để "bói kiệu" xem danh sĩ nào sẽ chiếm "thủ khoa" trong khóa Hương thi năm Ất Mão.

Toàn thể quan khách, sĩ tử đều hoan nghênh lời đề xướng của chủ nhân.

Cụ Mền Quỳ bèn hoạch định chương trình và thể lệ cuộc kiệu thi hào hứng này. Tất cả những sĩ tử tham dự cuộc thi, gồm hai mươi bốn vị được phân chia làm sáu nhóm tranh tài trên năm chiếu kiệu.

Cuộc đại thí gồm ba đợt: sơ kết (tứ kiệu), bán kết (ngũ kiệu) và chung kết (thất kiệu). Tứ kiệu chơi bốn đấu thủ, ngũ kiệu chơi ba đấu thủ và thất kiệu chỉ có hai. Sáu vị quán quân của sáu bàn tứ kiệu sẽ chia nhau làm hai bàn ngũ kiệu sẽ vào chung kết ở cuộc đấu thất kiệu.

Cuộc đấu sẽ kéo dài cho đến bao giờ có sự thắng bại rõ rệt. Trong ba lối đấu kiệu, riêng lối ngũ kiệu thường được áp dụng làm lối bóí kiệu cho những thí sinh sát hạch đến hương thí và đình thí.

Cách tính điểm trong lối chơi ngũ kiệu hoàn toàn theo các đợt khoa cử: đầu tiên các đấu thủ phải thấu hoạch được đủ điểm sát hạch; sau đó mới được dự phần tính điểm hương thí; nếu đủ điểm hương thí và đình thí, nghĩa là nếu được tối thiểu điểm ấn định thì đỗ tú tài, hoặc cử nhân, hoặc bằng nhỡn, thám hoa, tùy theo số điểm thặng dư nhiều ít. Trong ván kiệu sát hạch, đấu thủ nào trúng kiệu tức là đỗ Đào Xứ. Trong những ván kiệu tiếp theo, nếu đấu thủ đã trúng sát hạch lại trúng kiệu ở ván đình thí, tức là đỗ Trạng Nguyên.

Quy chế và thể thức ấn định xong rồi, các cuộc đấu bắt đầu. Cụ Mền Quỳ ở ngoài cuộc và được bầu làm giám khảo.

Những cuộc đấu sơ kết vừa có tính cách sát hạch vừa có tính cách loại danh, đã khai diễn mau lẹ, nhưng không kém hào hứng và

cũng mất non trống canh. Sáu vị thắng sơ kết đều chiếm ngôi Đầu Xứ vì mỗi vị đã hạ các đối thủ bằng một ván trúng kiện.

Cụ Mền Quỳ cười ha hả tuyên bố tiếp tục vào bán kết, mặc dầu trống canh đã điểm ba. Các vị Đầu Xứ háng hái nguyện thức thâu đêm để tranh giải bán kết. Cụ Mền Quỳ lại cười ha hả bông đùa:

- Lục quốc tranh hùng, nhật dạ thôi bình!

Liên tưởng đến cuộc đại chiến đương diễn ra ở Âu châu, cụ ghi danh các đấu thủ bằng những chữ Anh, Pháp, Đức, Thổ, Nga. Anh chỉ ông Đồ An; Pháp chỉ ông Khóa Phát; Đức chỉ cụ Kép Đắc; Thổ chỉ ông Huấn Tộ; Nga chỉ ông Cử Ngộ; Ý chỉ ông Tú Yên. Đó là tên sáu đấu thủ chia làm hai chiếu ngũ kiện để vào bán kết giải "Long trì kiện kiệt" của cụ Mền Quỳ.

Giải thưởng chỉ có tính cách tượng trưng, nhưng để cho cuộc đấu tăng phần hào hứng, cụ Giám khảo đã ra lệnh triệt để tuân theo luật lệ thông thường của lối chơi kiện của giới văn nhân. Nghĩa là các đấu thủ bán kiện phải hoàn toàn áp dụng câu *"Cao kiện là ông, thấp kiện là tôi, điểm đóm xong rồi, mời ông xơi thuốc"*.

Cụ Mền Quỳ lại còn ra thêm một lệnh mới: Ôngбет kiện, sau khi mời thuốc, còn phải rót một cốc rượu dâng lên ông nhất kiện và nói tiếp: *"Rượu tôi xin chúc, mời ông cao kiện, uống cạn đi cho, trò tôi đa tạ"*.

Những luật lệ lý thú đó, của lối chơi kiện văn nhân, là yếu tố vô cùng kích thích đức hiếu thắng của các đấu thủ ngũ kiện. Bởi thế trong thú đấu kiện, đấu thủ nào bại còn tức khí hơn những kẻ thua cờ. Chính vì yếu tố này mà thú kiện làm cho người trong cuộc say mê vô cùng, càng thua càng ham, không bao giờ muốn dứt cuộc.

Trong cuộc đấu bán kết ngũ kiệu này, ông Huấn Tộ đang ở trong trường hợp nói trên. Đã ba lần trên chiếu kiệu của nhóm Huấn Tộ, Đồ An và Khóa Phát, những trận cười giòn tan sa sả khiến cho cụ Mền Quỳ và toàn thể khán giả cũng cười theo như phá. Những trận cười phát ra sau mỗi lần Huấn Tộ thua cay, phải thông điều thuốc vào mời Khóa Phát xơi thuốc, rồi lại rót rượu mời Đồ An "uống cho, trò tôi đa tạ". Mặt Huấn Tộ đỏ gay vì tức khí bưng bưng: bị bét kiệu luôn ba ván.

Trong đám khán giả có người trêu cho Huấn Tộ tức khí hơn nữa, bằng một câu đùa cợt: "Phen này, quan phải xách điều hầu dân!". "Quan" tức là quan Huấn, mà "dân" là anh Đồ và anh Khóa!

Huấn Tộ đỏ mặt tía tai, xấu hổ và tức khí đến cực độ nhưng không dám tỏ một phản ứng nào.

Trong khi đó, bên chiếu kiệu thứ hai của cuộc đấu bán kết, nhiều biến chuyển bất ngờ đã xảy ra, làm đảo lộn tất cả những kết quả thành bại của các đấu thủ sau nhiều ván tranh tài. Ba đấu thủ cử Ngộ, Kép Đắc và Tú Yên, là những danh sĩ mà văn tài cũng như nghệ thuật chơi kiệu đều ngang nhau. Hơn nữa, cả ba vị đã dự phần khoa bảng. Trong những ván kiệu đầu tiên, mỗi vị lần lượt trúng kiệu, cùng chiếm ngôi Đầu Xứ, và cũng lần lượt trúng giải Khôi nguyên. Mặc dầu sau mỗi ván kiệu, tất nhiên phải có một đấu thủ nhất kiệu và một đấu thủ bét kiệu, nhưng cả ba đấu thủ đã lần lượt đoạt nhất kiệu rồi lại lần lượt bị bét kiệu cho nên cả ba đã thay phiên nhau vừa làm "quan" lại vừa làm "dân", nghĩa là "được" mời rượu, rồi lại "bị" đi mời rượu.

Thú vị nhất là mỗi khi có đấu thủ đã trúng Khôi nguyên lại còn bị truất xuống làm thí sinh tái sát hạch, sau khi bị một ván đại bại vì

không thâm hoạch được một điểm nào. Mỗi lần "không điểm" như vậy, gọi là bị "cú", nghĩa là bài làm "bất cú", bị sổ toẹt, không thương nổi.

Mỗi khi có đấu thủ Khôi nguyên bị "cú", những trận cười khoái trá của khán giả lại vang lên.

Nói tóm lại, hai bài ngũ kiệu bán kết đã diễn tiến một cách vô cùng sôi nổi, hào hứng, khiến cho cả các đấu thủ lẫn người xem thích thú say mê lạ. Và bầu không khí tưng bừng của Hội Xuân Long Mã Giao Đầu triển miên thâm đêm suốt sáng.

Cuộc đấu bán kết kéo dài từ giờ Tý đêm trước đến giờ Ngọ ngày sau mới có kết quả, sau bốn mươi ván kiệu của mỗi nhóm đấu thủ:

- Nhất: cụ Kép Đắc, bảy lần trúng kiệu, ba mươi hai lần đoạt Tam nguyên (mỗi lần liên tiếp Khôi nguyên ba ván).

- Nhì: ông Đồ An, năm lần trúng kiệu, một lần đoạt Tam nguyên.

Hai vị này sẽ vào chung kết, còn bốn đấu thủ khác bị bác. "Đội bằng" trong cuộc kiệu thí ngũ kiệu là Huấn Tộ: mười lần bị "cú" và hai mươi lần bị làm mỡ "thông điệu thuốc Lào". Trong đám khán giả, có người chọc tức Huấn Tộ:

"Phen này Huấn đạo Thanh Hóa coi chừng kéo bị giáng chức!".

Nhưng Huấn Tộ đã lẳng lặng rút lui ra về từ lúc nào, không ai biết.

Cuộc đấu chung kết khai diễn vào giờ Thân, sau khi quan khách dự cuộc rượu kéo dài suốt cả buổi trưa và nửa buổi chiều.

Cuộc đấu này không hào hứng bằng cuộc đấu ngũ kiệu vì số đấu thủ ít hơn và số khán giả cũng giảm bớt dần, nhất là vào giờ Tuất,

một số quan khách đã cáo lui, chỉ còn lại chừng trên mười vị, toàn là những sĩ kiệt đồng chí trong nhóm Long Mã Giao Đầu.

Tuy nhiên, cuộc đấu thất kiện vẫn cứ hết sức sôi nổi, vì hai đấu thủ đều là kiện tướng, tài nghệ ngang nhau, cho nên cả hai đã cầm cự nhau suốt trông canh bất phân thắng phụ: Mỗi đấu thủ thắng ván này lại bị thua ngay ván tiếp và sự thắng bại không quá chênh lệch vì số phân điểm của hai bên không hơn kém nhau bao nhiêu.

Tài nghệ của mỗi đấu thủ cao đến mức có thể chế ngự được những ván bài đồ đen. Nghĩa là khi nào bị một phần quá xấu, có nhiều quân rác, ít quân vào phu, đấu thủ bèn áp dụng "thế phá", tìm cách triệt bớt vài hàng kiện quan trọng của đối phương. Thí dụ: trong hàng văn từ nhất đến cửu, nếu đối phương thâm đoạt quá nhiều quân phu, thì tìm cách triệt bớt một quân trong chín quân văn. Nếu triệt được bốn quân nhị văn, tam văn... thì tất cả những quân văn khác mà đối phương chiếm được từ tứ văn trở xuống đều trở thành vô dụng coi như bài rác.

Nghệ thuật đấu kiện cao ở thế thủ hơn là thế công. Người cao kiện gặp phải bài xấu, phải chú trọng phá bài đối phương, chớ không chăm chú kiếm thêm điểm cho mình mà thả lỏng cho đối phương thao túng. Nhất là phải giữ làm sao cho đối phương khó trúng kiện, vì thắng một ván thất kiện tức là đoạt được một số điểm tăng rất nhiều...

Cuộc đấu lại kéo dài một đêm nữa cho đến sáng hôm sau, sự thắng bại mới được quyết định do một ván bài hi hữu chưa từng thấy trong thất kiện. Cụ Kép Đắc đã trúng "quán kiện", nghĩa là chiếm đoạt hầu hết tất cả những quân phu của bảy hàng, hàng nào

cũng triệt một vài quân phu, khiến cho đối phương không còn một hàng kiệu nào.

Tất cả khán giả châu đầu vào chiếu để xem ván kiệu thắng. Cụ giám khảo vừa ghi những phu triệt của cụ Kép Đắc, vừa xướng to:

- Hàng leo tứ tử (toàn triệt) lên đến mức "càn khôn".
- Hàng tôm ba hoa triệt triệt, lên đến "tơi".
- Hàng sườn song chi, nhị vạn, nhị sách tính lên "đụp".

Ván quán kiệu này có thể chấp ông Đồ An đấu cả tháng cũng không thể gỡ lại được. Thôi, ban giám khảo tuyên bố kết liễu cuộc đấu với sự toàn thắng hi hữu của cụ Kép Đắc.

Cụ Mền Quỳ chưa dứt lời tuyên bố thì có tiếng ồn ào ở ngoài sân nhà học. Cử tọa sửng sốt, quay ra nhìn thì thấy một toán lính huyện do Đội Xuân dẫn đầu, sòng sọc tiến vào.

Đội Xuân kính cẩn chào cụ Mền Quỳ và quan khách rồi trình bày:

- Chúng tôi được lệnh Huyện quan đến xét nhà cụ Mền, vì có mật báo rằng tại đây có cuộc hội họp bí mật âm mưu chính trị.

Cụ Mền Quỳ quắc mắt nhìn đám lính huyện trong khi quan khách ngơ ngác muốn hỏi nhau mà không tiện. Chủ nhân điềm tĩnh trả lời Đội Xuân:

- Các người được lệnh trên thì cứ thi hành phận sự, nhưng lệnh đâu đưa tôi xem!

Đội Xuân rút lệnh chỉ ra, nhưng không đưa cho chủ nhân xem. Cụ Mền Quỳ mỉm cười nói tiếp:

- Đây là hội xuân của các văn nhân toàn xứ, bậc Đại quan trong tỉnh cũng có tham dự. Huyện quan tuy không có mặt ở đây hôm khai mạc, nhưng há lại không biết rằng các bậc đại quan cũng dự hội hay sao, mà lại còn tự tiện xuống lệnh cho các người khám xét nhà ta? Các người hãy trở về trình lại với quan huyện rằng về vụ này, quan Huyện nên hỏi lại ý kiến các Đại quan trên tỉnh rồi hãy hành động nghe!

Đội Xuân phân vân khó xử.

Nhưng may mắn cho hắn là ngay lúc ấy, một toán lính tập (khố xanh) do Quản Trác thừa lệnh Quản Một Xuyên ở tỉnh phái về để tiếp sức với lính Huyện "khám xét sào huyệt của Đảng Long Mã Giao Đầu".

Thì ra lệnh này do Nhà nước Bảo hộ truyền ra, chứ không phải do quan Huyện. Lính tập là lính bảo hộ, Một Xuyên là võ quan cao cấp nhất của nhà nước bảo hộ ở tỉnh hạt Thanh Hóa.

Quản Trác hùng hổ xông vào, ra lệnh cho lính tập sục sạo khắp nơi. Riêng hắn ta xông thẳng đến những chiếu kiệu tịch thu tất cả những giấy tờ ghi chép các phân điểm mà chính tay cụ Mền Quỳ đã viết và tất cả những cỗ bài tổ tôm đã dùng trong các cuộc đấu kiệu. Hắn gật gù tỏ vẻ đắc ý và không cần khám xét tỉ mỉ nữa, ra lệnh cho toán lính tập và bọn Đội Xuân chuẩn bị áp giải tất cả các văn nhân, kể cả cụ Mền Quỳ về tỉnh.

Vụ án văn thân Long Mã Giao Đầu làm xao xuyên dư luận giới sĩ phu Thang Mộc. Chỉ trong vòng dăm bảy ngày, tiếng đồn của vụ "tình nghi chính trị" này đã loan truyền khắp các châu, huyện Thanh Hóa.

Thoạt kỳ thủy, giới quan trường đất Thanh nghe nói đến vụ án mà các bị can toàn là danh sĩ có tiếng là khí phách, ngờ rằng nhà nước Bảo hộ đã bắt được những tài liệu xác thực chứng tỏ rằng "sào huyệt văn thân" tại Long Mã Giao Đầu đích thị là nhà cụ Mền Quỳ ở Bái thôn.

Nhưng sau cuộc thẩm vấn rất sáng suốt của ông Một Xuyên mà nhà nước Bảo hộ đã giao trách nhiệm cứu xét về vụ án tình nghi chính trị Bái thôn, thì ra đây chỉ là một vụ đầu voi đuôi chuột.

Một Xuyên, tuy là một tay sai đắc lực của Bảo hộ, đã nhờ những vụ chỉ điểm mà mau chóng vọt lên hàng cao cấp trong quân ngũ Bảo hộ. Tuy nhiên đối với giới văn nhân, vẫn tỏ ra có biệt nhãn và không nỡ làm hại. Vả chăng, hấn từng mến phục danh tiếng văn tài của cụ Mền Quỳ, cho nên hấn đem hết công tâm cứu xét, với thiện ý loại bớt những chi tiết có thể gây cho vụ án thêm quan trọng. Thật ra, cũng chẳng chi tiết và bằng chứng gì quan trọng, ngoài mấy cỗ bài và những giấy tờ trong đó có chữ cụ Mền Quỳ ghi nhận điểm các cuộc đấu kiện và danh sách của các đấu thủ bằng những chữ Anh, Pháp, Đức, Phổ, Nga, và Ý...

Một Xuyên cho cụ Mền Quỳ biết: có thư nặc danh chỉ điểm nhà cụ là một sào huyệt của Đảng văn thân chống nhà nước Bảo hộ và triều đình. Đảng văn thân có liên lạc với nước Đức, nhận những món tiền lớn của người Đức để hoạt động chống Pháp tại Việt Nam. Hội xuân quần hiền tổ chức tại nhà cụ chỉ là một dàn cảnh che mắt nhà nước Bảo hộ và triều đình, chứ thật mục đích là hô hào giới văn thân nổi loạn.

Tuy lính Bảo hộ không bắt được nhiều tài liệu trong cuộc khám xét nhà cụ, nhưng chỉ mấy tờ giấy có ghi những số điểm và những

chữ Anh, Pháp, Đức... cũng đủ làm bằng cớ để buộc tội những văn nhân đã tham dự Hội Xuân. Những cuộc đấu tranh giải "Long Mã Kiệu Kiệt" chỉ là thủ đoạn che đậy âm mưu chính trị.

"Giữa lúc bên kia mấu quốc Đại Pháp lâm vào chiến cuộc với Đức, Phổ, cụ sẽ biện minh với nhà nước Bảo hộ thế nào về những tờ chữ của cụ, trên đó ghi những con số và tên các nước thù địch của Đại Pháp?"...

Trước lời buộc tội rất đanh thép của Một Xuyên, cụ Mền Quỳ rất bình tĩnh đáp:

- Chúng tôi không âm mưu gì hết cho nên không thấy cần phải thanh minh gì cả. Những lời kết buộc vừa rồi của Quan Một chỉ có tính cách ước đoán. Những hành động quang minh, thẳng thắn của chúng tôi trong Hội Xuân, đã có sự chứng kiến của hàng đại quan trong tỉnh hạt. Tôi thành khẩn yêu cầu Quan Một mở một cuộc đối chất khoảng đại giữa chúng tôi và các vị đại quan đã có nhã ý tham dự Hội Xuân của chúng tôi.

Một Xuyên mỉm cười, lấy lời lẽ nhã nhặn, thân mật để làm yên lòng cụ Mền Quỳ:

"Tôi không có ý kết buộc các vị văn nhân mà riêng tôi rất kính mến và tin tưởng là thành thật, ngay thẳng. Tôi cũng cho rằng đây chỉ là một vụ phao vu, nhưng bổn phận của tôi là phải tìm ra đủ lý lẽ để thanh giải vụ nghi án này.

"Cụ vừa giúp tôi một ý kiến rất hay để thực hiện sự thanh giải này. Vậy thì tôi phải lập tức công khai tổ chức một cuộc hội kiến giữa các vị quan và những vị quan trường đã dự Hội Xuân, nhất là

những vị nào đã chứng kiến các cuộc đấu tranh giải "Long Mã Kiệu Kiệt"?

Cuộc đối chất quan trọng và hào hứng này được Một Xuyên triệu tập ngay hôm sau và những lời cung của các đối chứng đã giúp cho Một Xuyên những yếu tố chắc chắn để thanh giải vụ án tình nghi chính trị.

Sau đó, tất cả bị can được tha về nhà. Cụ Mền Quý lập tức hướng dẫn anh em sang tạ ơn các đại quan.

Tại dinh cụ Tổng đốc, có đông đủ giới quan trường cao cấp trong tỉnh hạt, nhóm văn nhân được đón tiếp trong tình đồng liêu. Giữa cuộc trà thanh khí, cụ án Bằng rung đùi vuốt râu, gật gù mỉm cười thốt ra một câu vừa ý nhị, vừa trào phúng:

"Quần nho kiệu thí, nho tặc độn phản!".

Nhiều vị quan khách ngạc nhiên không hiểu cụ Án ám chỉ ai là "Nho tặc độn phản".

Để đánh tan sự nghi kỵ, cụ Án giải thích:

- Trong giải "Long Mã Kiệu Kiệt", dường như có một tên "khuyển nho" nào đó độn phản các bạn văn nhân!

Câu giải thích lại càng gây thêm thắc mắc cho cử tọa. Mọi người nhìn nhau thăm hỏi: "Kẻ nào là tặc nho độn phản đồng liêu?".

Một người đưa ra một câu hỏi đột nhiên:

- Sao trong cuộc đối chất, không có mặt Huấn Tộ?

Trong cử tọa dường như sự thắc mắc vừa được cởi mở. Tuy nhiên, không ai trả lời câu hỏi trên kia.

Lúc từ biệt giới quan trường ra về, cụ Mền Quỳ được cụ Tổng đốc rĩ tai:

- Một Xuyên có cho tôi hay rằng ông ta muốn tránh cho thằng chó Huấn Tộ sự phỉ nhổ của hàng văn nhân. Ông ta yêu cầu tôi đừng tiết lộ hành động ti tiện của Huấn Tộ. Nó bội phản anh em chỉ vì thua kiện nhục nhã, ai oán quá. Đến lượt tôi cũng yêu cầu cụ hãy giữ bí mật hành vi đốn mạt đó của một tên khuyến nho, kẻ không có "con sâu làm rầu nồi canh".

Buổi chiều mùa xuân rơi xuống chậm chậm, ở dưới giàn thiên lý, ánh sáng dường như rắc bạc xuống hòn non bộ đặt trong bể cạn có trồng mấy khóm thủy trúc, le te lội mấy con cá vàng. Cả cụ Mền Quỳ và cụ Tổng đốc cũng cười ha hả, nhưng bốn con mắt già long lánh sâu...

MỘT CHỤC BẠC, MỘT TRẬN ĐÒN, MỘT KIẾP NGƯỜI

T hưa bác sĩ,

Tính ra đến hôm nay, tôi vào Dưỡng trí viện được bốn tháng hai ngày.

Cả một thời gian đó, tôi được ông an ủi chăm nom sốt sắng: tôi thành thật cảm tạ ông. Chỉ còn ba hôm nữa, tôi được về. Đêm nằm suy nghĩ, tôi không có cách gì tỏ lòng biết ơn của tôi hơn là đem một câu chuyện lòng của tôi kể cho ông nghe. Ông thương tôi hay khinh, tôi không dám biết; nhưng ít ra ông cũng có thể chắc chắn rằng câu chuyện này tôi chưa hề kể cho ai nghe, mà có lẽ tôi cũng không bao giờ dám kể.

Tôi mong rằng câu chuyện này, ngoài ra còn có thể giúp ông hiểu rộng hơn về bệnh lý thần kinh nói chung và trường hợp của một người bị lâm vào một thứ loạn trí hơi lạ, nói riêng. Nếu được như thế, tôi không ân hận.

Bây giờ tôi xin thú thật, từ lúc vào Dưỡng trí viện đến lúc viết thư này gửi lên ông, không có lúc nào tôi mất trí.

Tôi hoàn toàn là một người mạnh, có lẽ còn mạnh hơn cả lúc chưa vào đây nữa, vì lúc chưa vào đây tôi nghiện rượu rất nặng, mà từ lúc vào ông cấm tôi uống rượu nên tinh thần và xác thịt tương đối mạnh hơn khi còn uống rượu.

Nhưng ông vẫn cho là tôi loạn trí, vì lần khi ông đương nói chuyện với tôi thì tôi cười rồi bưng mặt khóc hu hu như đứa trẻ, lại có khi tôi đương ngủ thì vùng dậy chạy ra bụi cây tìm một cái gì rồi trốn xuống gầm giường hoặc đương nói chuyện về sinh sống sau này thì tôi ngăn ông lại hỏi cái gáy người ta có liên quan gì đến óc không và tòa án lương tâm là một cái gì có thật hay bịa đặt ra để răn dạy người ta nên ở thiện, chớ làm điều ác.

Tất cả những trạng thái đó diễn ra không phải là vì tôi hồng óc. Không, tôi hoàn toàn sáng suốt, tôi biết hết những việc tôi làm ra như thế để cho ông tin là tôi loạn trí để ông cho tôi ở luôn đây, không phải về nhà để gặp vợ con tôi nữa. Nhưng tôi không được ở Dưỡng trí viện lâu hơn nữa, thưa ông, vì ông cho biết bệnh tôi đã khỏi mà Dưỡng trí viện cần phải có chỗ để thu bệnh nhân mới tới.

Vậy ba hôm nữa tôi về. Nhưng tôi sẽ không về, thưa ông, mà tôi sẽ đi nơi nào thật xa xôi để sống, hoặc là chết cũng chưa biết chừng. Sống hay chết đối với tôi bây giờ không quan hệ. Điều cần là đừng có bắt tôi về nhà.

Nhà tôi là một địa ngục ở trên đời. Bố mẹ tôi là phu gác kho, lúc chết đi không để lại cho tôi một xu nhỏ. Vì nghèo, tôi không được ăn học nên lớn lên lại làm phu, sáng làm từ bốn giờ sáng đến chiều mới nghỉ, buổi trưa không về nhà.

Tôi về thì mệt đứt hơi đứt ruột. Tôi lấy sức bằng cách uống rượu cho hăng. Lâu dần, tôi nghiện.

Lương đã không đủ ăn, lại nghiện rượu nữa, trong nhà tôi có khi hai ngày liền không có gạo ăn, vợ phải đi vay nợ hay đóng chịu. Không có tiền trả, không ai cho vay nữa. Đồ đạc bán dần đi hết, chỉ

còn lại hai cái giường, ba cái ghế, tôi đến vợ chồng con cái không có đủ mừng để ngủ... Đã thế, vợ tôi lại đẻ luôn, mười năm trời ăn ở với nhau, có tới sáu đứa con mà không có đứa nào chết cả!!

Nhà tôi là nhà sàn, cây mọc cả, tôi như hũ nút, rác rưởi đầy ra - một lũ con bụng ỏng, mũi rãi dài hơn người lê la dưới đất như những con chó đói - mà lại không có tiền, có khi mua đồng bạc khoai lang không có, ông bảo như thế có thể gọi là kiếp người hay không?

Khổ đến như thế, nào đã xong đâu! Chẳng biết làm sao, cứ ba ngày lại xảy ra hai đám cháy. Tôi bị cháy nhà, phải ra ở đường, chạy chọt mấy tháng trời mới xin được một miếng đất, lợp một cái chòi lên ở. Thế rồi lại cháy nhà lần thứ hai. Không biết xoay sở ra sao, tôi bỏ đi hàng tuần lễ không về nhà. Lương được mấy trăm đồng, đưa cho vợ hai trăm rưởi để nuôi con, còn bao nhiêu uống hết.

Nhưng mà ông trời lạ lắm. Không hiểu vợ tôi nó xoay sở ra sao mà nó và sáu đứa con vẫn không chết, hơn thế lại có một đứa đi học trường tiểu học ở gần nhà. Học cái gì? Học làm gì? Tôi không biết. Mà thằng Hanh cũng chẳng bảo cho tôi biết.

Hanh là đứa con trai đầu lòng của tôi. Tôi nghiệp thằng nhỏ, nó còn bé nhưng vì là con nhà nghèo nên phải làm mọi công việc trong nhà: gánh nước, quét nhà, thổi cơm, dỗ em, còn thừa thì giờ mới đem sách ra để học. Tôi thương nó như tất cả các em nó, nhưng mỗi khi bước chân về nhà, tôi tức bực không chịu được, la lối chửi rủa và đánh đập chúng như quân thù vậy. Vợ tôi không dám nói nửa lời, cãi tôi là tôi sinh sự, thượng cẳng chân hạ cẳng tay liền và tôi bảo cả mẹ con nó bồng bế đi chết ở đâu thì chết, cho khuất mắt tôi đi.

Tôi nói như thế một cách thành thật và tin tưởng. Các con tôi sợ xanh mặt, còn vợ tôi thì sì sì ra, không nói không rằng. Tôi lại chửi tôi lại đánh. Vợ tôi khóc, tự nhiên những giọt nước mắt của vợ tôi làm cho tôi chợt tỉnh; tôi thấy mình vô lý: "Mình bị khổ sở thế này, đâu là tại vợ tại con. Chính vợ con mình khổ là tại mình!".

Tôi thương thân mình, và thương vợ thương con tê tái cả lòng, tôi thương mình và thương vợ thương con như không có ai có thể thương đến như thế ở trên đời. Nhưng đến hôm sau thì chứng nào tật nấy lại trở lại với tôi. Cảnh địa ngục gia đình lại diễn ra mỗi ngày mỗi đen tối hơn, thảm thiết hơn.

Tôi không nhớ hôm đó có chuyện gì xảy ra ở sở, làm cho tôi vừa buồn vừa bấn. Mà tiền thì lại hết, không còn lấy một đồng để đi xe Phú Xuân về nhà.

Tôi hằm hằm đi ngủ, một phần vì say rượu nữa. Trước khi đi nằm, tôi lấy cái áo bà ba cuối cùng của vợ tôi, bảo thằng Hanh đi cầm lấy ba chục bạc. Tôi đã cầm đi cầm lại cái áo ấy mấy lần rồi. Tôi bảo thằng Hanh:

- Có tiền, mày cứ để lên cái kệ cho tao rồi chặn cái tách lên trên.

Nói xong tôi ngủ. Hôm đó, đến phiên tôi làm đêm. Thức dậy tôi định ninh sẽ lấy ba chục bạc đi làm một xị đế, mua mấy điều thuốc hút rồi còn thừa để tối đi xe đi làm và mua một cái bánh tét ăn cho đỡ đói ban đêm. Nhưng mà lạ, chỉ có hai chục đồng?

Tôi tưởng là gió làm bay mất tiền, tìm đi tìm lại không thấy. Gọi thằng Hanh hỏi thì nó đi đâu không biết. Mẹ nó cũng không có nhà. Tôi bò ra đất như một con thằn lằn để tìm chục bạc - vẫn không thấy chục bạc đâu. Tôi tức hộc máu ra.

Giữa lúc ấy thì thằng Hanh đi về. Tôi hỏi nó cầm áo được bao nhiêu. Nó trả lời:

- Thừa ba, ba chục.
- Sao tao chỉ thấy có hai?

Thằng Hanh xanh mặt lại. Giọng nó run lên:

- Con nói với mẹ rồi. Mẹ bảo lấy một chục.
- Mà lấy một chục làm gì?
- Đã một tuần nay, con hết vở. Cô giáo bảo mua, nhưng mẹ không có tiền. Đi xin các chú, không ai cho. Hôm nay con nói với mẹ nữa thì mẹ bảo hãy tạm lấy một chục đi mua vở để mẹ đi xoay chỗ khác về trả bố.

Thế là tôi điên cả người lên.

Thực ra, thằng Hanh tự nó không dám lấy một chục bạc của tôi; nó lấy là do mẹ nó bảo; và nếu cần phải trị tội thì tôi trị tội mẹ nó mới đúng. Nhưng chính lúc ấy vợ tôi không có nhà. Bao nhiêu tức giận uất ức đâu đâu đều đổ cả lên đầu thằng bé. Tôi túm lấy nó đánh túi bụi vào mặt, vào đầu, vào lưng. Tôi đá nó, nó ngã ra trên mặt đất. Bây giờ tôi hãy còn nhớ cái thần hình co quắp của nó chắp hai tay lạy tôi, nước mắt giàn giụa mà mồm thì van xin: "Lạy ba, con cần cỏ lạy ba tha cho con; con mua vở học chớ quả thực con không dám ăn một xu quà vào bụng!", "Lạy ba, con đã hỏi mẹ, mẹ bảo cứ lấy tạm, mẹ đi vay mượn để về trả ba".

Kỳ lạ thay là sự cău bẳn của người ta! Có lẽ người ngoài cuộc trông thấy thì thương tâm và xót ruột, nhưng tôi lúc đó càng nghe càng tức, và càng tức tôi càng đánh. Đánh bằng tay chưa đủ, tôi sẵn

có cái gậy thông cống ở gần đó choang vào đầu, vào chân, vào cổ nó không tiếc tay và càng đánh tôi càng thấy là chưa đủ. Sau mãi, thấy thằng Hanh không kêu khóc, van xin nữa tôi mới nguôi lòng và chịu thôi.

Tôi cầm lấy hai chục bạc, cho vào túi đi ra cái quán cóc ở đầu đường gọi một xị đế, uống một hơi, nhắm một miếng cóc chấm mắm nêm rồi lại kéo xị nữa và xị nữa...

Câu chuyện sau đó diễn ra như thế nào, tôi không biết; nhưng đến sáng hôm sau về nhà thì tôi cảm thấy ớn lạnh ở xương sống vì nhà không có ai. Hỏi thăm bà bên hàng xóm thì thấy nói vợ tôi đưa thằng Hanh vào nhà thương hồi mười một giờ đêm, còn mấy đứa em nó không có ai trông, đem đi gởi ở nhà quen cuối xóm.

Thế là nghĩa lý gì? Tại sao lại đưa thằng Hanh vào nhà thương? Tự nhiên hình ảnh thằng bé chín tuổi nằm quằn quại ở dưới đất, nước mắt đầm đìa, chắp tay "Con cần cò lạy ba" hiện ra trước mắt tôi trong những tia chớp nhoáng rồi tắt rồi lại hiện ra. Và tai tôi ù lên một hồi lâu như vắng vắng không bao giờ dứt "con cần cò lạy ba".

Tôi bèn chạy vội ra xe ô tô buýt đi đến nhà thương "Bình dân" tìm thằng Hanh. Trời ơi, sao lại có thể như thế được ư? Mặt nó trong có một đêm khác hẳn đi, mắt nó nhắm nghiền; còn môi thì vều ra như hai con đĩa nằm ngủ sau khi hút no nê máu người.

Mẹ nó, ngồi cạnh không khóc, nhưng hai mắt sưng u lên như quả nhót. Tôi lay thằng Hanh mấy cái. Hồi lâu nó mới mở được mắt ra. Thấy tôi, mắt nó sáng ngời lên một lát, nó không nói gì. Tôi đưa mắt hỏi vợ, thì vợ tôi nói vắn tắt như sau: Nó đi vay tiền về, thấy thằng Hanh nằm trên mặt đất, máu ở tai và mũi rỉ rỉ chảy ra. Lay mãi nó

không tỉnh. Vợ tôi không biết làm thế nào khác là mượn ông hàng xóm chạy xe ba bánh đưa con vào nhà thương.

Vợ tôi nói:

- Cả đêm hôm qua nó chết đi chết lại hai ba lần. Nhưng có lẽ nó đợi anh nên chết rồi lại tỉnh.

- Thế bác sĩ xem bảo nó ra sao?

Vợ tôi hạ giọng nói nhỏ:

- May lắm thì mới qua khỏi được... Mười phần không hy vọng được một hai.

Giữa lúc ấy, thằng Hanh mở mắt đòi uống nước. Nó nhận ra tôi và dường như biết là chúng tôi đang nói chuyện với nhau về nó. Uống nước xong, nó lại nhắm mắt lại, sau mãi mới phì phào nói vào tai tôi, nghe kỹ lắm mới rõ: "Lúc mẹ ra ngoài mua nước đá chườm cho con, ông bác sĩ có hỏi tại sao con lại bị thương như thế... Con nói là con té thang... Bác sĩ không tin, hỏi nữa, con nhất định là té thang, chứ không phải vì nguyên nhân gì khác... Ba ơi, ba yên tâm... con chết, nhưng mà đến chết con cũng không nói khác thế đâu!".

Đến chiều hôm đó, tôi đang làm việc thì có người đến báo cho tôi biết thằng Hanh chết rồi. Về sau mẹ nó kể lại cho tôi rằng lúc sắp chết, nó tỉnh lắm và dặn đi dặn lại: "Mẹ bảo bố đừng lo... Con không để cho bố buồn đâu... Đến chết, con vẫn nhất định là con té thang mà ra thế, chứ tuyệt nhiên không vì lý do nào khác...".

Thì ra thằng Hanh tuy còn nhỏ tuổi mà biết hết, biết tại sao nó chết ai oán, thảm thương như vậy. Nó giấu diếm đến cùng cái tội sát nhân của bố nó và đến lúc cuối cùng nó cũng không nói một câu gì cho mẹ nó hay.

Đến bây giờ tôi cũng không hiểu thật tình mẹ nó có biết hết cả chi tiết về cái chết gớm ghiếc đó không. Riêng tôi thì từ lúc thằng Hanh chết đi, tôi cảm thấy mình không còn là người nữa nhưng là một thứ ma quỷ gì hiện ra thành người. "Ba ơi, ba yên tâm, con chết nhưng mà đến chết, con cũng không nói khác thế đâu...". Nghĩa là đến chết nó vẫn thương bố nó, không khai tội ác của bố nó ra, để cho bố nó khỏi bị tù tội, để cho mẹ nó khỏi mang tiếng là vợ của một thằng sát nhân và các em nó khỏi bị thiên hạ chỉ vào mặt nó mà nói là "con của một thằng sát nhân".

Nhưng bây giờ có hồi hận đến bao nhiêu đi nữa thì cũng đã muộn mất rồi. Tôi cố không nghĩ nữa mà không thể được, cứ bước chân về đến nhà là mắt tôi lại hướng về phía thằng Hanh nằm lộn lộn trên mặt đất, chắp hai tay lại "con cắn cổ lạy ba". Mà như thế tất cả chỉ vì có mười đồng bạc! Mười đồng bạc. Mười đồng bạc không đủ uống một chai xá xị, thế mà cả một thảm kịch đã diễn ra, cả một gia đình đau khổ, chia lìa chết chóc, cả một tòa án lương tâm day dứt suốt một đời người... Thế mới biết cái nghèo là cái chẳng ra gì...

Từ đó, mỗi khi tôi cầm một tờ giấy mười đồng, tôi lại thấy đau nhói ở tim; tôi hết sức tránh về nhà vì về nhà thì lại trông thấy chỗ thằng Hanh lộn lộn ở dưới đất chắp hai tay lại "Con cắn cổ lạy ba" và tôi nhớ lại từng ly từng tí cảnh một người bố đánh con không tiếc tay đến nỗi máu rỉ từ lỗ tai, lỗ mũi ra...

Tôi bỏ nhà có khi một tuần, mười ngày mới đảo qua về. Hôm giỗ đầu thằng Hanh, tôi uống rượu say đến nỗi lăn ra đường, hàng xóm phải chở về nhà nằm li bì suốt một ngày mới tỉnh. Vợ tôi kể cho tôi nghe rằng sáng hôm đó nó đã đem cái gậy thông cống vớt ra sông rồi.

- Tại sao vậy?

Tôi hỏi thì nó nói:

- Đêm qua, tức là trước đêm giỗ đầu con, em nằm mơ thấy nó về. Nó y như lúc sống, mặc cái áo cổ bẻ, vá một miếng mụn xanh ở ngực và bảo em: "Má ơi, con nhớ ba má quá. Hôm nay về thăm ba má... ba con có mạnh không mà sao con ít gặp? Tội nghiệp ba già rồi mà vất vả tối ngày... cho nên ba dễ bần... Nhưng đó không phải là lỗi tại ba".

Vợ tôi rơi nước mắt và nói tiếp: Con nó còn dặn em thế này: "Má, má nghe con, đừng giữ cái gậy ba đánh con ở trong nhà làm gì. Nó sẽ là cái róp... sau này ba con sẽ có thể lại lấy để đánh em con chết oan chết uổng. Má đem vứt ra sông đi...". Em nghe lời con dặn và vứt cái gậy ấy ra sông rồi.

Suốt đêm hôm ấy tôi bưng mặt khóc. Đến khuya rõ ràng mắt tôi mở hăn hoi mà kỳ lạ thay, tôi thấy rõ ràng thằng Hanh đứng ở hàng rào dâm bụt trước nhà nhìn vào trong, kêu em nó ra chơi.

Toát mồ hôi, tôi vùng dậy bật đèn thì chẳng thấy bóng dáng nó đâu nữa, nhưng tự nhiên cái còi xe tắc-xi mà người ta vẫn để nhò ở trước cửa nhà tôi kêu vang lên trong đêm tối như một tiếng nước nổ, thở dài. Mà chạy ra, nhìn đi nhìn lại để xem có đứa nào tinh nghịch bấm còi không thì tuyệt nhiên chẳng thấy có bóng người nào cả.

Đêm cuối thu về sáng, trời hơi lạnh, chỉ có vài cái lá rụng theo gió bay trên mặt đất, reo xào xạc...

THỀ CHỮ

Không biết ở Trung và Nam, có người ăn Tết kỳ lạ như ông Trưởng Kính ở trong truyện này hay không? Riêng ở Bắc những người như ông Trưởng Kính thì không nhiều, nhưng lúc nào cũng có.

Năm nay, thủy tiên đã bắt đầu thấy bán từ cuối tháng mười, mà quái, ông Trưởng Kính không hiểu tại sao vẫn không thấy nói đến chuyện mua về gọt.

Có hai ba bắp bà Trưởng mua về ngâm trong chậu mà ông Trưởng chỉ nhìn rồi bỏ đấy, lần lần lữa lữa chẳng thấy nói năng gì. Thế rồi thì cây cảnh cũng bỏ phí cả đi. Đang đông tiết trời hanh hao, cây khô lá vàng, mà họa hoằn lắm chủ nhân mới nhìn đến cho dăm gáo nước. Cây tùng bắt đầu héo ngọn; hai lẵng cẩm cù và phong lan đuôi cáo mất đứt dây buộc, sắp rơi; còn cái đôi "bách thảo" thì rêu cứ vàng cả ra, mà lá sanh, lá mai đã to bằng cái vẩy ốc cả rồi, cũng chẳng thấy ông lấy kéo "tẩy" cho vài nhát.

Ờ, mà cũng lạ thật. Ông Trưởng Kính chẳng đoái hoài gì đến cây cảnh, đã đành, nhưng sao đã hơn một tháng nay, ông có vẻ buồn bực, trầm ngâm, bí mật?

Thình thoảng, người ta lại thấy ông giở mấy cuốn thiếp cổ ra xem, rồi lấy ngón tay trở vẽ lên không những nét ngoằn ngoèo như thể là phù phép. Rồi lại có hôm ăn cơm vừa buông đũa buông bát xuống, ông mặc quần áo đi lại ngay nhà ông Lam Kiều đòi ngồi luôn tại chỗ

xem cho kỳ được bốn mươi bảy cuốn thiếp của ông này và tra cứu, biên chép gì chẳng biết, đến khuya mới về.

Nhưng về rồi, nào đã đi ngủ cho đâu! Đương nằm, ông Trưởng vùng dậy, tìm ở ngăn cuối cái tủ "Bắc Kinh" lấy ba cuốn thiếp, cặm cùi tìm một cái gì. Trong thiếp "Tam Hi", trong thiếp "Mạc Trì", trong thiếp "Nga Quân" của Vương Hi Chi, tìm đã hết hơi mà vẫn không thấy một lồi chữ nào huyền diệu và sương kính thể. Ông Trưởng thao thức không ngủ được.

Sáng hôm sau, trời mưa xanh, rét ngọt, ông dậy sớm đi tìm cụ Cả Tài là người xưa nay vẫn dắt mối đồ cổ cho nhà ông. Hai ông đem nhau vào buồng nói thì thảo, rồi dắt nhau về Khâm Thiên, Hàng Bột, không quên dặn người nhà trước khi đi:

- Có cái chú Coong đội mũ nôi, trước đây bán cho nhà ta bức tượng An Lộc Sơn, hỏi gì thì đừng cho nó về nhé. Giữ nó lại chơi, và bảo tôi đi chừng một tiếng đồng hồ rồi thôi.

Đã bảy tám hôm nay, chú Coong và ông Trưởng cùng thì thà thì thầm bàn tán với nhau, có khi đến tận khuya mà vẫn chưa chịu chia tay.

Anh chàng này vốn là một người khách chú nghiện, sinh nhai ở các tiệm hút ngỗ Hàng Giày, ô Quan trường. Anh không có nghề gì nhất định, nhưng cung cách sinh sống vẫn đàng hoàng: hai vợ chồng cùng hút. Thỉnh thoảng hai vợ chồng cùng ra đi, mà cửa ngõ bỏ trống, chẳng có ma nào canh gác. Người tò mò lấy thể làm ngạc nhiên, nhưng ai đã ra vào hút sách với chủ nhân thì không lạ. Là vì vợ chồng nhà này có một đứa con nuôi tinh quái, giữ nhà cẩn mật bằng mấy người thường. Đó là một con khỉ to bằng một đứa trẻ lên

ba, suốt ngày chỉ quanh quẩn bàn đèn để hầu hạ chủ nhân, châm đóm, lấy khăn, bưng ống nhổ...

Trước kia khách khứa đến chơi nhà chú Coổng không để ý đến con vật ấy và cho là nó bén mùi thuốc phiện, phải làm những công việc hàng ngày để có cái ăn, cái hút. Nhưng từ khi Hà thành xảy ra câu chuyện con khỉ phố Hàng Thùng đêm đêm lén vào nhà người ta để móc ví tiền thì những người quen biết chú Coổng đã bắt đầu nghi ngờ. Người ta nghi rằng, ngoài công việc coi nhà và hầu hạ bàn đèn, con khỉ của chú Coổng còn được dùng vào công việc khác trong lúc tắt đèn tối lửa...

Ông Trưởng Kính băn khoăn về điểm đó hơn ai hết. Nhất là vào khoảng cuối năm này, mà cả nhà đều nhận thấy ông thiếu sự bình tĩnh thường ngày, ông cả Tài đi điều đình có hy vọng gì không? Mà bọn Cả Sinh, Tú Bồng, Hàn Sĩ đã chịu thôi hay cứ "đâm ngang càn búa"?

Không. Ông Trưởng mà chưa chắc chắn thì vẫn không thể ăn ngon ngủ yên cho được. Ông phải nghĩ cách gì nói thật khéo để cho "hắn" khỏi mất lòng. Và ông đã nói chú Coổng tất cả sự thật để "trăm sự lo cho chu đáo".

Nguyên do thế này: Nhà Ba Vu có một người con mới hồi cư, đem theo về một bức chữ "Trung Đường" tuyệt trần đời. Có một bức chữ như thế để chơi, bao nhiêu chữ của Chu Nhữ Chàn, Đào Lập Kinh, Phùng Quốc Tài, Trạch cầm, mà cả những danh bút thời Hán, Đường, Tống, Tần, Ngụy, Minh nhi Triệu Mạnh Phủ, trong bài phú Xích Bích, Tô Đông Pha, trên những câu đối sơn then, khảm xà cừ, Nhan Trần Khanh trong thiếp Tam Hi, Âu Dương Tuân, Trịnh Bản Kiều... bao nhiêu chữ có từ trước đều "xếp xó" cả, không đáng kể...

Bức chữ ấy của Ba Vu có bảy chữ "*Hoa quốc trần gian vạn quyển thư*", nhưng cả bảy chữ đều là thần bút, thể gian khó mà có một bức đẹp hơn. Chơi bức đó rồi chết, cũng đáng đời. Không biết Ba Vu tìm đâu ra được một bức chữ kỳ quái đến như thế, hờ trời?

Được xem bức chữ ấy, ông Trưởng Kính về nhà, nằm vật ra suy nghĩ và ngay hôm sau bắt đầu dò hỏi xem nguyên thủy bức chữ và tại sao lại rơi vào tay Ba Vu. Thì ra là người con trai của Ba Vu chạy ra ngoài hậu phương, có người cất nhắc cho sang Lào và Miên. Từ Miên năm 1951, y qua Ấn Độ và Mã Lai và ở hai nơi đó - không biết rõ tại đâu - y mua được bức chữ ấy của một khách thương bán trà, đem về làm quà cho ông cụ.

Chúa ghét cái lão Ba Vu! Sao mà từ hôm có bức chữ, lão lên mặt thế! Ông Trưởng Kính gạ mua và tìm đủ các cách để "dìm", nhất định Ba Vu không bán lấy có "cháu đem về biếu, tôi giữ làm kỷ niệm"!

Thấm thoát hai tháng trôi qua, Ba Vu một mực không chịu để lại bức chữ cho Trưởng Kính. Mà về phần Trưởng Kính thì mê cứ "tít thò lò" đi, càng bị từ chối càng mê hơn, thật y như lúc hai mươi tuổi mình mê gái, càng bị gái "tẩy" lại càng chết mê chết mệt.

Từ Hàng Gai mà kéo bộ xuống Ấp Thái Hà, ít nhất cả đi cả về cũng mất hai tiếng đồng hồ. Ấy vậy mà cứ cách một ngày, ông Trưởng lại lóp ngóp xuống tận nhà ông Ba để ngồi hút thuốc Lào vệt, uống trà tàu, ngắm bảy chữ "*Hoa quốc trần gian vạn quyển thư*", để rồi lại ra về. Nói cách nào đi nữa cũng không chuyển được lòng Ba Vu. Bực quá! Ông Trưởng đã phải cầu cứu đến Cả Tài để "thuốc" ông Ba, nhưng vô hiệu như thường.

Chiều hôm đó ăn cơm, ông gặt đàn bà trẻ con ầm cả lên và ông cho mời Hai Quán lại đàm bán cái đòi và một bộ đồ ngọc để lấy tiền dùng "có việc".

Ấy là vì chú Coổng hôm qua vừa đến trả lời ông dứt khoát.

- Cụ Trưởng ạ, thật tình tôi đã dùng hết tài mọn của tôi, nhưng không thể nào "trôi" cụ ạ.

Chú chạy ra khép cửa lại, ngồi sát về phía ông Trưởng Kính, hạ giọng xuống nói tiếp:

- Chính tôi, cụ phải biết, tôi đứng ra chỉ huy vụ này mà không tài nào được. Cùng kỳ lý, tôi về huấn luyện con khỉ của tôi, cả ngày bắt nó tháo tranh, cuốn tranh, buộc tranh vào mình để phòng có đánh cắp được bức chữ của Ba Vu thì buộc vào mình, treo ra cho khỏi rách. Và phải nói rằng con hầu của tôi nó thành thạo vô cùng.

Cả thầy bốn lần, tôi đã ra hiệu cho nó thi hành thủ đoạn. Mà nó lại vào được nhà của Ba Vu mới tức chớ! Ấy thế mà cả bốn lần đều sôi hồng bỏng không!

Nghe câu chuyện của chú Coổng, mặt ông Trưởng buồn muốn chảy ra. Ông lim dim mắt nghe chú nói một giọng đều đều, khe khẽ như một nhà mộ đạo đọc một bài kinh buồn nản:

- Cái giống đồ cổ này hình như là có thần ấy, ông Trưởng ạ. Tôi còn nhớ hồi ở Tàu, có lần tôi đã chơi những trò này. Bọn chúng tôi ba người, toàn những tay đạo chích lành nghề, chia nhau đi đánh cắp một bộ đồ trà bằng ngọc của một người đàn bà góa. Thế mà năm lần bảy lượt đều hồng cả. Là vì vào đến tận nơi rồi, sắp "hạ thủ" thì y như là có thần nó báo cho người có của biết mà thức dậy, không thể nào giở được tay!

Nay đến bức chữ này, tôi lại cũng thấy y như thế. Tôi huấn luyện con khỉ lanh lẹn và thành thuộc không tả được, lại xếp đặt chương trình hành động chu đáo ra phết, và bốn lần hồng cả bốn, con khỉ của tôi đành phải ra không - ấy là chưa nói ba lần nó suýt chết vì nhà Ba Vu trở dậy, chia nhau ra đuổi đánh!

Từ lúc đó, ông Trương Kính lại càng tin rằng bức chữ của Ba Vu có thần: thôi, thế là các mưu dùng bá đạo để lấy cho được bức chữ vô giá kia đành gác lại. Ông Trương như điên như dại, không ngớt rửa sả vắn vợ, làm như thể bức chữ ấy chỉ đáng cho mình chơi thôi, còn ngoại giả người khác không ai có quyền chạm tới. Và ông lại đi tìm những cuốn bút thiếp để giở đi giở lại xem nét chữ của từng danh bút, óc mông lung tưởng tượng lại mấy chữ vừa mới xem ban ngày.

Chữ thế mới là chữ chứ! Cứ cho ăn hai bữa rồi chẳng làm gì cả, để ngồi mà ngắm mấy chữ ấy cũng đủ sướng một đời người! Thật đúng như người ta nói xem chữ đẹp của người xưa, y như vin quả lạ, như hái hoa tươi. Và ngay từ lúc này, riêng ngắm mình, ông thấy nếu ba ngày không được nhìn thấy bức chữ "siêu diệu nhập thần" của Ba Vu thì "soi gương ông tự thấy mặt mình đáng ghét".

Đêm ấy, trời trở rét. Nhìn lên thấy mây thưa, trăng lặng, gió vàng xào xạc dấy tường hoa, ông chợt nhớ đến mấy củ thủy tiên chưa gọt và lòng lại rộn lên những ý nghĩa miên man.

Ờ, ờ rằm tháng chạp rồi, chẳng còn mấy lúc nữa mà đã Tết. Hôm qua, ở quê ra, Cả Chủy gặp ông khoe có mấy thứ "chương" ở Hồng Kông đem về chơi Tết; Hai Văn có đôi đào, một "giá" một "tôn" toàn bằng ngọc trắng trên có khắc trọn bài "Khoái tuyết thời tình" của Vương Hi Chi; rồi đến bọn Trương Tình, Lang Tâm, Hàn Tuyết, anh

nào ít ra cũng có cái mới lạ để trưng bày ngày Tết... Ngay đến Bá Can, hần mới nhập tịch làng chơi, Tết này nghe đâu cũng bê được ở Hành Thiện về hai pho tượng của Phan Ngọc Thư: một tượng Hàn Tín lòn khố anh hàng thịt đất Hoài Âm và một tượng Tào Tháo cầm ngang ngọn giáo ngâm bài thơ sáng khoái trên sông Xích Bích.

Còn ông? Có tiếng là một tay chơi lọc lõi, mà Tết này lại không có thứ gì thật trội để rước làm thỏa cái "máu mê" mà sau nữa để cho anh em kiêng nể, ông Trưởng Kính cảm thấy lòng mình nức nở. Cứ trù trừ mãi rồi thì hồng việc. Bá đạo không xong thì phải dùng vương đạo vậy. Phải mua bao nhiêu tiền cũng mua cho kỳ được. Và ông nhớ những lời Cả Tài nói với ông:

- Tôi đã dùng hết phép rồi, mà việc chỉ mới nhích đi một tí, ông Trưởng ạ. Bây giờ, tôi xem ý Ba Vu đã xiêu xiêu, nhưng hần ta còn "lường phưởng" bảo rằng còn muốn hỏi ý kiến thẳng con đã.

Ông Trưởng nhảy cẫng lên:

- Thế à? Thế thì mình "thuốc" thẳng con đi. Ông xem nó mê cái gì thì "tổng" cho nó cái ấy có được không?

- Ai chẳng biết thế! Đứa thanh niên nào mà lại không mê cái sắc, mà cái sắc thì đệ đây không thiếu nhé. Chết một nỗi, đó chỉ là bề ngoài thôi. Tôi phải điều tra kỹ lắm, mới tóm được cái "thóp" của hần ta. Này chẳng cần gì phải mua chuộc thẳng ranh, tôi đã có cách... cứ làm thế này là ăn đứt!

Cả Tài ghé vào tai ông Trưởng nói nhỏ một giây. Trong gian phòng cũ kỹ leo lét một ngọn đèn bằng sành, hình con mèo vờn chuột, hai tiếng cười bị chặn lại và loảng ra trong bầu không khí đặc quánh, mờ mờ.

-Ờ, một chuyện rất thường mà bây giờ mới nghĩ ra! Mình rõ u mê, ám chướng. Ba Vu hấn sợ vợ, thì mình cứ "chạy" vợ hấn là xong, lựa là phải điều đình vợ vẫn làm gì cho mệt!

Sáng hôm hai mươi mốt, ông Trương Kính dậy, vui vẻ hơn mọi ngày. Bà Trương nhân lúc ông đang dùng trà thường lệ ở nhà trong ra, cầm một giò thủy tiên đưa ông xem và bảo:

- Mấy hôm nay, ông bận chẳng nhìn nhôi gì đến thủy tiên. Tôi lấy ra gọt mấy củ, ông xem có cần sửa gì không?

Thôi, bây giờ thì việc tà trời đất, ông cũng chẳng cần... Cả Tài đến, chẳng nước nôi gì cả, kéo ông Trương đi luôn, sau khi hai người nói với nhau mấy câu rất ngô nghê mà bà Trương không tài nào hiểu nổi.

Lời ông Trương:

- Thế nào? Công việc du thuyết của ông có hơn được tí nào không? Hay là bị nó đánh cho một trận như tử như Tô Tần ngày trước?

Tức thì ông Cả Tài lè lưỡi ra:

- Ông xem lưỡi tôi có còn không?

- Còn.

- À, còn lưỡi tất nhiên là phải thành công chứ!

Lòng ông Trương như mở cờ. Ông muốn biết rõ ngay các chi tiết, nhưng cả Tài gạt đi và kết luận câu chuyện, vẫn bằng một thứ văn chương mật mã:

- Ngày xưa, Tô Tần tổ chức xong thuyết hợp tung, sáu nước phong làm tướng, ôi thôi, đệ không mong tướng với tá, chỉ xin cái đôi của cả Vè để chơi Tết là đủ thỏa.

Cả Tài nói đúng. Công việc mười phần đã xong chín; hôm nay ông Trưởng Kính chỉ còn việc khăn áo chỉnh tề đến ngã giá nữa là xong.

Đã ba hôm nay, cả Tài đại diện ông Trưởng đã thuyết phục được vợ Ba Vu, kỳ cho đến bằng lòng. Cái lối bà nào mà chẳng thế: nịnh cho đúng phương pháp thì xiêu ngay, vả chẳng bây giờ làm ăn buôn bán khó khăn, được đồng nào quý đồng ấy, chớ cứ nhìn bức chữ mà sống được người ư?

Chỉ một đêm bàn hơn tính thiệt với chồng, bà Ba Vu đã thắng lợi một cách vẻ vang và sáng hôm sau, bà kiêu hãnh báo tin ấy cho cả Tài:

- Thật, tôi cũng khổ về các cụ. Cụ ông nhà tôi khó tính lắm, nhưng tôi thật thà có thể nào nói toẹt ra như vậy: Cụ Cả có ý thích mấy chữ ấy thì mình cũng nên nể bạn mà nhường để cụ ấy chơi, chớ cứ để cụ ấy đi đi lại lại mãi, coi sao cho tiện!

Suốt ba ngày liền, vợ chồng Ba Vu và Cả Tài chỉ nói chuyện về bức chữ, khách thì tâng nịnh đức tính của chủ nhân, còn chủ nhân thì tán tụng khách là một tay chơi sành sỏi. Kết cục, bức chữ ấy Ba Vu "xin" ba vạn năm trăm đồng! .